

ĐỀ CƯƠNG ÔN TỐT NGHIỆP LỚP 12 TRUNG CẤP NGUYỄN TẤT THÀNH

PHẦN I – ĐỌC HIỂU (3 điểm)

I. LÝ THUYẾT

Dạng câu hỏi: Xác định phương thức biểu đạt ((từ 02), chính: chỉ 01))

Biểu cảm: bộc lộ cảm xúc, tình cảm (có mặt trong PCNN nghệ thuật, sinh hoạt, báo chí, chính luận...)

Tự sự: trần thuật, thuật lại, kể lại bằng cốt truyện, có nhân vật, có diễn biến

Miêu tả: làm rõ đặc điểm của đối tượng

Nghị luận: đánh giá, nhận xét, bàn bạc đúng sai phải trái, bộc lộ chính kiến của người nói.

Thuyết minh

Hành chính – công vụ

Dạng câu hỏi: Theo tác giả/Theo đoạn trích, A là gì?

Nếu là văn bản nghị luận, xác định từ khóa A và chép đáp án từ trong văn bản

Nếu văn bản là thơ, xác định từ khóa A và liệt kê đáp án, tuyệt đối không được chép lại nguyên câu thơ.

Dạng câu hỏi: Xác định thể thơ của văn bản?

Song thất lục bát: cặp câu 7 chữ tới cặp câu lục bát, cứ thế tới hết bài

Lục bát: cặp câu lục bát lặp lại cho tới hết bài

Thơ bốn chữ, thơ năm chữ, thơ sáu chữ, thơ bảy chữ, thơ tám chữ: cố định số chữ trong toàn bài

Thơ tự do, thơ văn xuôi: số chữ trong các dòng thơ khác nhau

Dạng câu hỏi: Ý nghĩa câu thơ/câu văn?

Cách trả lời: đi từ nghệ thuật đến nội dung

Lưu ý: xem thử câu thơ/câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nào không?

Nếu không có biện pháp tu từ thì tìm những từ ngữ đặc biệt, thành ngữ, ca dao...

Dạng câu hỏi: Anh/chị có đồng ý với ý kiến A không? Vì sao?

Cách làm:

Em đồng tình/không đồng tình với ý kiến “A” (phải chép y nguyên lại ý kiến”).

Vì những lí do sau:

+

+ ...

+ ...

Rút ra bài học ngắn

Lưu ý:

Trong trường hợp cần trả lời thêm thì làm bước tiếp theo, viết như một phần đề.

Tuy nhiên...

Vd: Anh/chị có đồng tình với ý kiến: “Tiền là vạn năng”? Vì sao?

Trả lời:

Em không đồng tình với ý kiến “Tiền là vạn năng”

Lí do:

+ Vạn năng là khả năng đáp ứng toàn bộ mọi nhu cầu, tuy nhiên trên thực tế có nhiều thứ có thật nhiều tiền chúng ta cũng không thể mua được.

+ Tiền có thể mua được chiếc giường đẹp nhưng không mua được giấc ngủ ngon, xây được bệnh viện lớn nhưng không mua được sức khỏe và sự sống.

+ Tiền có thể xây được ngôi nhà lớn nhưng không mua được hạnh phúc...

Tuy nhiên ta không thể phủ nhận giá trị và tầm quan trọng của đồng tiền, bởi có tiền sẽ trang trải được cuộc sống, giúp đỡ mọi người, có tiền sẽ đỡ vất vả khó khăn. Bởi vậy, vấn đề đặt ra là cần phải biết chi tiêu hợp lí, hiểu được giá trị thực sự của đồng tiền, biết trân trọng cũng như cân bằng hài hòa giữa vật chất và tinh thần.

Dạng câu hỏi; Cảm xúc của tác giả, tình cảm của tác giả, thái độ của tác giả?

Sẽ có những từ khóa để mình xác định tình cảm, thái độ:

+ Khi nói về những con người cống hiến, có những đức tính quý, tốt đẹp: Tự hào, ngưỡng mộ, biết ơn, trân trọng, yêu quý

+ Khi nói về điều gì đó vui tươi: Vui tươi sôi nổi, hào hứng, say đắm... Hạnh phúc, vui sướng, hân hoan, phấn khởi

+ Khi nói về đau thương mất mát nào đó: Xúc động, xót xa thương cảm, đồng cảm, thấu hiểu.

Tác dụng của tình cảm cảm đó đối với văn bản?

Ví dụ: Anh/chị hãy nhận xét về tình cảm của tác giả đối với miền Trung được thể hiện trong đoạn trích sau:

*Miền Trung
Câu ví dặm nằm nghiêng
Trên nắng và dưới cát
Đến câu hát cũng hai lần sàng lại
Sao lọt tai rồi vẫn day dứt quanh năm
Miền Trung
Bao giờ em về thăm
Mảnh đất nghèo mỏng tôi không kịp rút*

*Lúa con gái mà gầy còm ủa đỏ
Chỉ gió bão là tốt tươi như cỏ
Không ai gieo mọc trắng mặt người
Miền Trung
Eo đất này thắt đáy lưng ong
Em gắng về
Đừng để mẹ già mong*

Trả lời: Tình cảm của tác giả đối với miền Trung được thể hiện trong đoạn trích:

Tác giả thể hiện sự cảm thương, xót xa, đồng cảm đối với cuộc sống của con người miền Trung trước thiên nhiên khắc nghiệt. đồng thời thể hiện sự yêu quý, trân trọng, ngợi ca, tự hào bởi người miền trung có nhiều đức tính quý: nhân hậu, ngọt ngào, cần cù, chịu khó, chất phác... **Tình cảm ấy khiến cho** bài thơ có sức hút, có sức lay động trái tim người đọc.

Dạng câu hỏi: Việc trích dẫn “A” có tác dụng gì

Cách làm

Chép lại nguyên văn “A”. nếu đó là một câu chuyện thì tóm tắt ngắn

Tác dụng: làm văn bản trở nên sinh động, hấp dẫn, giúp cho lập luận của tác giả trở nên chặt chẽ, thuyết phục, làm rõ nội dung được bàn luận (nghệ thuật). Qua đó tác giả nhấn mạnh điều gì? (nội dung) (bám vào nội dung văn bản để viết)

Dạng câu hỏi: Nội dung trong đoạn trích gọi cho anh chị suy nghĩ gì? hoặc “thông điệp của đoạn trích gọi cho anh chị suy nghĩ gì? hoặc rút ra bài học về lẽ sống”

Cách làm:

Nội dung trong đoạn trích là gì?

Suy nghĩ của bản thân?

Dạng câu hỏi: Lời khuyên “A”/ý kiến “A” trong đoạn trích có ý nghĩa gì với anh/chị?

Cách làm:

Chép lại lời khuyên/ý kiến, nêu ý nghĩa chung của “A”.

Nêu ý nghĩa của “A” đối với em (chủ yếu nói về sự nhận thức và sự tác động của lời khuyên đó với em).

Ví dụ: lời khuyên “Hãy dừng cảm nhìn vào lỗi lầm của quá khứ để làm cho hiện tại và tương lai tốt đẹp hơn” có ý nghĩa như thế nào với anh chị?

Lời khuyên “Hãy dừng cảm nhìn vào lỗi lầm của quá khứ để làm cho hiện tại và tương lai tốt đẹp hơn” là một lời khuyên đúng đắn, có ý nghĩa tích cực. lời khuyên giúp chúng ta có thái độ dừng cảm, biết nhìn nhận sự thật, nhìn nhận lỗi lầm từ đó khắc phục bản thân hướng đến tương lai tốt đẹp.

Lời khuyên đó có ý nghĩa đối với em:

+ Giúp em thêm can đảm, thêm nghị lực, thêm lòng dũng cảm để đối mặt với sai lầm trong quá khứ. Nhìn nhận đúng về nó, tìm ra khuyết điểm sai để đứng dậy từ nơi vấp ngã.

+ Giúp em thay đổi thái độ sống, thay vì cứ dằn vặt mình bởi những lỗi lầm trong quá khứ thì hãy tập trung vào những mục tiêu, kế hoạch trong hiện tại để phát triển bản thân.

+ Giúp em thêm nghị lực và bản lĩnh, biết vươn lên, biết phấn đấu không ngừng nghỉ, lấy niềm vui hiện tại lấp đầy nỗi buồn quá khứ

Dạng câu hỏi: Chỉ ra biện pháp tu từ trong văn bản và nêu tác dụng?

Lưu ý

Gọi tên phép tu từ; chép lại từ ngữ/câu chứa tu từ đó (nếu là liệt kê thì phải lọc ra liệt kê cái gì chứ không chép nguyên câu).

Chỉ ra tác dụng của phép tu từ theo công thức: Tác dụng nghệ thuật + tác dụng nội dung

Ví dụ: Chỉ ra và nêu hiệu quả của 01 biện pháp tu từ cú pháp trong đoạn thơ:

Những cánh đồng thơm mát

Nước những người chưa bao giờ khuất

Những ngả đường bát ngát

Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất

Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Những buổi ngày xưa vọng nói về

Nước chúng ta

(Đất nước – NĐT)

Phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên: điệp cấu trúc cú pháp “Những cánh đồng”, “những ngả đường”, “những dòng sông” ...

Tác dụng: làm đoạn thơ giàu nhịp điệu giàu tính nhạc, tạo hình ảnh liệt kê phong phú, sinh động, hấp dẫn. Qua đó tác giả đã làm nổi bật bức tranh toàn cảnh về một non sông tươi đẹp, hiền hòa, bình dị; khẳng định mạnh mẽ quyền làm chủ và bộc lộ cảm xúc vui sướng, hân hoan, niềm tự hào mãnh liệt, tình cảm thiêng liêng trước sự đổi thay của non sông đất nước, từ đó khơi dậy trong chúng ta tình yêu đất nước quê hương.

Dạng câu hỏi: Chỉ ra sự tương đồng của A và B

Có hai cách làm:

Cách 1: chỉ ra trực tiếp sự tương đồng

Cách 2: chép ra các đặc trưng của A và B sau đó chỉ ra sự tương đồng.

Dạng câu hỏi: Chỉ ra thao tác lập luận trong đoạn trích?

Thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bình luận, bác bỏ

Dạng câu hỏi: Nêu nội dung văn bản

Cách 1: tự tìm hiểu và nêu nội dung

Cách 2: tìm câu chủ đề của văn bản và dựa vào đó để nêu nội dung. Cố gắng diễn đạt nhiều hơn 2 dòng.

Dạng câu hỏi: tìm câu chủ đề của đoạn trích

Dạng câu hỏi: đặt nhan đề cho văn bản Nên đặt từ 2-3 nhan đề

Dạng câu hỏi: phương thức xây dựng đoạn văn

- Quy nạp, diễn dịch, tổng phân hợp, móc xích, song hành.

Dạng câu hỏi: chỉ ra thông điệp

Cách 1: dựa vào nội dung văn bản tự rút ra thông điệp

Cách 2: tìm một câu tâm đắc nhất chứa nội dung thông tin văn bản (mang tính triết lí sâu sắc) rồi từ đó viết lại theo ý mình.

Dạng câu hỏi: chỉ ra hai hình ảnh, chỉ ra mối quan hệ

Cách làm

Những câu văn/thơ gợi ra hai hình ảnh:

+ Hình ảnh A: ...

+ Hình ảnh B: ...

+ Mối quan hệ A và B: hài hòa, gắn bó, hay tương phản đối lập

Ví dụ: câu 3/đề 2021 – bài tập 1 trong tài liệu

Dạng câu hỏi: nhận xét về một hình ảnh, một vấn đề được thể hiện trong đoạn trích

Chỉ ra được hình ảnh, vấn đề cần nhận xét, sau đó nhận xét theo ý nghĩa, nội dung mà em hiểu theo yêu cầu của đề (gạch đầu hay hay đoạn văn).

Dạng câu hỏi: các phong cách ngôn ngữ

PCNN sinh hoạt

PCNN nghệ thuật

PCNN báo chí

PCNN chính luận

PCNN hành chính

PCNN khoa học

CỦNG CỐ TÁC DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

Lưu ý: tác dụng các phép tu từ cho ở đây đều gần giống nhau, hs linh hoạt

Đối với các phép tu từ từ vựng

1. Nhóm 1: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nói quá phóng đại, chơi chữ, tương phản đối lập

Tác dụng: Làm cho câu thơ/câu văn giàu giá trị biểu đạt, hình ảnh giàu tính gợi hình, gợi cảm, sinh động, hấp dẫn. Qua đó nhấn mạnh và làm nổi bật (...)

Ví dụ: *Nắng xuống trời lên sâu chót vót*

Phép tu từ tương phản đối lập: *nắng xuống trời lên*

Tác dụng: làm câu thơ giàu giá trị biểu đạt, hình ảnh thơ giàu tính gợi hình gợi cảm, sinh động. Qua đó nhấn mạnh và làm nổi bật vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên hoàng hôn hùng vĩ, tráng lệ trước sông nước mênh mênh và tâm trạng cô đơn rợn ngợp của nhà thơ trước vũ trụ bao la.

2. Nhóm 2: Điệp (Điệp từ, điệp ngữ, điệp âm, điệp vần)

Tác dụng: Đối với thơ: làm câu thơ/đoạn thơ giàu nhịp điệu, giàu tính nhạc; tạo ra nhiều hình ảnh liệt kê, giọng điệu phong phú, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn. Qua đó làm nổi bật...

Đối với câu văn/đoạn văn: tạo ra nhiều hình ảnh liệt kê, làm câu văn nhịp nhàng, cân đối, giọng điệu phong phú, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn. Qua đó làm nổi bật...

3. Nhóm 3: Nói giảm nói tránh

Tác dụng: Nếu nói về mất mát thì tác dụng là: làm giảm nhẹ sắc thái đau thương mất mát, bộc lộ cảm xúc trân trọng, thành kính, thiêng liêng. Ví dụ:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Phép tu từ nói giảm nói tránh: *anh về đất*

Tác dụng: làm giảm nhẹ sắc thái đau thương mất mát, bộc lộ cảm xúc trân trọng, thành kính, thiêng liêng trước sự hi sinh anh dũng của những người lính Tây Tiến...

Đối với phép tu từ cú pháp

Điệp cấu trúc cú pháp	Đối với thơ: làm đoạn thơ giàu nhịp điệu, giàu tính nhạc, tạo ra nhiều hình ảnh liệt kê, giọng điệu phong phú, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn. qua đó làm nổi bật... Đối với đoạn văn/câu văn: tạo ra nhiều hình ảnh liệt kê, làm câu văn nhịp nhàng, cân đối, giọng điệu phong phú, sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn. Qua đó làm nổi bật...
Liệt kê	Làm đoạn thơ/văn giàu giá trị biểu đạt, hình ảnh sinh động, phong phú, hấp dẫn. Qua đó làm nổi bật...
Câu hỏi tu từ	Dùng để bộc lộ cảm xúc bằng khuâng, xao xuyến; hoặc bày tỏ những băn khoăn, trăn trở day dứt về điều gì đó...
Đảo ngữ/đối	Tạo hình ảnh sinh động, hấp dẫn. Qua đó nhấn mạnh, làm nổi bật...
Chêm xen	Nhằm làm rõ nghĩa, cụ thể, bổ sung thông tin/bộc lộ cảm xúc Dấu hiệu: đứng trong dấu ngoặc đơn, dấu gạch nối, dấu phẩy

1. Ẩn dụ

– Thực chất ẩn dụ là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

– Có bốn kiểu ẩn dụ thường gặp:

+ Ẩn dụ hình thức – tương đồng về hình thức. Ví dụ: “*Về thăm quê Bác làng Sen/Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng*” Về hình thức, lửa hồng tương đồng với màu đỏ của bông hoa râm bụt.

+ Ẩn dụ cách thức – tương đồng về cách thức. Ví dụ: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” (Tục ngữ) Ăn quả tương đồng về cách thức với hưởng thành quả lao động; trồng cây tương đồng về cách thức với công lao khổ nhọc tạo ra thành quả.

+ Ẩn dụ phẩm chất – tương đồng về phẩm chất. Ví dụ: “Người Cha mái tóc bạc / Đốt lửa cho anh nằm” (Minh Huệ) Người Cha ở đây là ẩn dụ cho hình ảnh Bác Hồ, Bác chăm lo cho từng bữa ăn giấc ngủ của các chiến sĩ như người cha chăm sóc những đứa con thân yêu

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – chuyển từ cảm giác này sang cảm giác khác, cảm nhận bằng giác quan khác. Ví dụ: “Giọng nói của chị ấy rất ngọt ngào” Ngọt ngào là sự cảm nhận của vị giác. Dùng “giọng nói ngọt ngào” là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – từ thính giác sang vị giác.

2. Hoán dụ:

– Thực chất hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt.

– Có bốn kiểu hoán dụ thường gặp

+ Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể. Ví dụ: “Một trái tim lớn lao đã già từ cuộc đời/Một khối óc lớn đã ngừng sống.” (Xuân Diệu) “Một trái tim”, “Một khối óc” là hình ảnh hoán dụ để chỉ cả “con người”, đó chính là Bác Hồ – vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam.

+ Lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng. Ví dụ: “Vì sao trái đất nặng ân tình/Nhắc mãi tên người Hồ Chí Minh” Trái đất – hoán dụ cho hình ảnh nhân loại

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để chỉ sự vật. Ví dụ: “Sen tàn, cúc lại nở hoa/Sầu dài ngày ngắn, đông đã sang xuân” (Nguyễn Du) câu thơ đã sử dụng các hình ảnh hoán dụ: Sen – mùa hạ, Cúc – mùa thu.

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. Ví dụ: “Một cây làm chẳng nên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” Một cây là hóa dụ cho sự đơn lẻ, số ít; ba cây – số lượng nhiều, nói đến sự đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh.

PHẦN II – ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI 200 CHỮ (2 điểm)

LÝ THUYẾT

Hiểu đúng về đoạn văn

Khái niệm: Đoạn văn là một văn bản nhỏ có tính độc lập biểu đạt một ý trọn vẹn

Về hình thức: đoạn văn là tập hợp của nhiều câu văn. Bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng một dấu chấm xuống dòng.

Về nội dung: các câu trong đoạn văn phải liên kết với nhau, thống nhất về chủ đề và phải có câu chủ đề.

Đoạn văn 200 chữ

Dung lượng: là ước lượng 200 chữ, cỡ khoảng 20 dòng giấy thi.

Các phương thức xây dựng đoạn văn

Diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành, tổng phân hợp

Cấu trúc Tổng – phân – hợp

Cấu trúc	Nội dung	Điểm
I. MỞ (Tổng)	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Ví dụ: viết đoạn văn 200 chữ bàn về sự cần thiết của sự sẻ chia trong cuộc sống Viết 1 câu, câu phải chứa cụm từ khóa – câu chủ đề	0.25 điểm
II. THÂN (Phân)	Triển khai vấn đề nghị luận Giải thích vấn đề (1, 2 câu)	1.0 điểm

	Chứng minh/phân tích làm rõ vấn đề bằng một hệ thống ý Phải có dẫn chứng để lập luận thuyết phục (2 câu) Bình luận vấn đề (nhận định, bài học, phản đề)	
III. KẾT (Hợp)	Đánh giá nâng cao vấn đề (Viết 1 câu)	
Lưu ý	Chính tả, ngữ pháp không sai Đảm bảo cấu trúc đoạn văn Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

Cách đưa dẫn chứng Dẫn chứng chỉ đưa vào khoảng 2 - 3 dòng là đủ. Tuyệt đối không kể lể, phân tích dài dòng. Sau đây là một số kiểu đưa dẫn chứng vào bài:

Kiểu dẫn chứng song song nhân vật

Ví dụ: Nếu Columbus không tự tin vào phán đoán của mình thì có lẽ sẽ rất lâu sau đó, loài người mới tìm ra châu Mỹ. Nếu George Washington và những đồng chí của ông không tự tin thì có lẽ nước Mỹ ngày nay vẫn còn nằm trong vòng cai trị của một hòn đảo bé nhỏ.

Kiểu dẫn chứng liệt kê không theo nhân vật cụ thể:

Ví dụ: từ cầu thủ giao bóng, anh lính trên chiến trường, hay nhà chính khách, nhà quản lý doanh nghiệp cho đến anh công nhân... tất cả đều chỉ có thể hướng về phía trước và nỗ lực hết sức khi họ có niềm tin.

Kiểu dẫn chứng liệt kê nhân vật cụ thể

Ví dụ: thầy Nguyễn Ngọc Ký, diễn giả Nick Vujicic là tấm gương nghị lực sáng ngời về niềm tin và ý chí kiên cường. Họ đã truyền cảm hứng sống, động lực sống đến hàng triệu con người bởi những điều phi thường.

Kiểu dẫn chứng trùng điệp

Ví dụ: đó là hình ảnh những vị bác sĩ in hằn vết đồ bảo hộ. Đó là hình ảnh những em nhỏ đóng góp tất cả tiền mừng tuổi của mình để quyên tặng khẩu trang. Đó là anh công nhân vệ sinh môi trường biểu tiền lương ít ỏi của mình cho những người vô gia cư...

6. Cách lập luận vấn đề

Cần chú ý những từ khóa chuyển ý như: mặt khác, tuy nhiên, bên cạnh đó, mặc dù vậy nhưng, mặt khác là, thứ nhất là, thứ hai là...=> giúp đoạn văn linh hoạt, uyển chuyển

Hình ảnh, ngôn từ: sử dụng so sánh liên tưởng để tăng hiệu quả và tăng chiều sâu

Ví dụ khi viết về bản chất của thành công: cùng có nguồn gốc từ nguyên tố cacbon nhưng số phận của kim cương và than chì khác nhau, than chì thì mềm và đen đúa còn kim cương thì trong sáng, quý giá. Để được thế, kim cương phải trải qua một quá trình cắt giũa, chịu áp suất lớn, nhiệt độ cao. Con người chúng ta cũng thế, phải rèn luyện trau dồi thì thành công mới gõ cửa.

Sử dụng ít nhất một câu nói nổi tiếng:

Ví dụ “hướng về ánh sáng, mọi bóng tối sẽ ngã lại sau lưng bạn”, hay “bóng tối làm các vì sao nổi bật”, hoặc “cuộc sống luôn cho bạn cơ hội thứ hai, đó gọi là ngày mai”.

Sử dụng câu hỏi tu từ (đặt ra câu hỏi tu từ để tạo nên sự băn khoăn, trăn trở...)

Ví dụ: thầy Nguyễn Ngọc Ký đã dùng đôi chân để viết nên câu chuyện cuộc đời mình, vậy tại sao chúng ta có đủ tay chân lại không thể viết nổi một bài ca riêng?

Sử dụng lập luận trùng điệp để tạo giọng điệu lôi cuốn (thường sử dụng phép điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc.

Ví dụ: nếu không thể bay thì hãy chạy, nếu không thể chạy thì hãy đi bộ, nếu không đi nổi thì hãy bò. Bằng mọi giá phải tiến về phía trước.

Tăng cường chất triết lý (đúc kết vấn đề)

Ví dụ: đề chốt lại vấn đề kỉ luật: kỉ luật với những con thú làm nên gánh xiếc, kỉ luật bản thân làm nên sự vĩ đại...

II. THỰC HÀNH

Đề 1: Anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ, bàn về tác hại của thói vô kỉ luật

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn – 0.25 điểm
 - Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp; móc xích hoặc song hành...
- Xác định đúng vấn đề nghị luận – 0.25 điểm
 - Tác hại của thói vô kỉ luật (đặt ngay ở câu đầu tiên của đoạn văn)
- Triển khai vấn đề nghị luận – 1,0 điểm
 - Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ: tác hại của thói vô kỉ luật
- Chính tả ngữ pháp – 0.25 điểm
- Sáng tạo – 0.25 điểm Thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ

THỰC HIỆN

- Mở đoạn (Tổng) - Con người có nhiều thói xấu, nhưng xấu xa nhất có lẽ chính là sự **vô kỉ luật**.
- Thân đoạn (phân) (Sử dụng nhiều thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận)
 - Giải thích: vô kỉ luật là lối sống buông thả, tự do, không tuân thủ theo một nguyên tắc nào, thích gì làm nấy
 - Phân tích, chứng minh: bởi vậy thói vô kỉ luật để lại nhiều tác hại:
 - Trong công việc chung, thói vô kỉ luật làm công việc ngưng trệ, không đúng tiến độ, thậm chí bị thiệt hại, kìm hãm sự phát triển.
 - Đối với bản thân, thói vô kỉ luật làm con người trở nên buông thả, sống không mục tiêu, không định hướng, cuối cùng thất bại.
 - Kẻ sống vô kỉ luật thì không còn ai tin tưởng, bị xa lánh. Đã vô kỉ luật thì nhân cách, lòng tự trọng cũng không còn.
 - Bình luận: Như vậy, kẻ vô kỉ luật thì bao giờ cũng chuốc lấy sự thất bại thảm hại, bị tụt hậu về phía sau, bị cô độc bủa vây trong thế giới của mình. Ngược lại, những ai luôn tôn trọng kỉ luật, lấy kỉ luật làm nền móng bao giờ cũng vươn tới thành công.
- Kết đoạn (hợp) Vì vậy, hãy chọn cách sống có kỉ luật khắt khe với bản thân chứ đừng để bản thân bị thói vô kỉ luật cám dỗ.

Đề 2: Dựa trên nội dung phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về: không được nghĩ đến hai từ “bỏ cuộc”

DÀN Ý

- Mở đoạn (tổng): Có một công thức để thành công bao gồm ba yếu tố chính: “Không bỏ cuộc – không bỏ cuộc và không bỏ cuộc.
- Thân đoạn (phân)
 - Giải thích: “Bỏ cuộc” là buông bỏ mục tiêu, kế hoạch, ước mơ, khát vọng mà mình đã đặt ra trước đó, còn “không bỏ cuộc” là kiên định, vững tin, tiếp tục vươn lên.
 - Phân tích, chứng minh, làm rõ vấn đề:
 - Tại sao không được nghĩ đến hai từ “bỏ cuộc”? Vì cuộc sống vốn dĩ không bao giờ là màu hồng, khó khăn thử thách là tất yếu, thất bại là điều không thể tránh khỏi. “Vạn sự khởi đầu nan” là chân lý ở đời. Lẽ nào mới chỉ ở điểm xuất phát mà ta đã hèn nhát bỏ cuộc? nên nhớ khó khăn chỉ giống như bóng tối, nó sẽ chỉ làm ta thêm rực rỡ mà thôi, và nếu cuộc đời bạn là một bức tranh đen tối thì tại sao bạn lại không tự cầm bút mà điểm lên đầy những ngôi sao sáng?

- Để không bỏ cuộc ta phải làm gì? Khi gặp khó khăn đừng nghĩ đến việc bỏ cuộc mà hãy cứng cỏi, bản lĩnh, tự tin cách khắc phục những yếu điểm của bản thân để tiếp tục thực hiện mục tiêu đề ra. Hãy hăng say và tận tụy, hãy đam mê, nhiệt huyết và cố gắng không ngừng nghỉ, hãy tập trung vào mục tiêu đã định và “đừng dừng lại”. Thomas Edison từng nói “Điểm yếu lớn nhất của chúng ta là nằm ở việc bỏ cuộc. cách chắc chắn nhất để thành công là luôn luôn thử thêm một lần nữa”. Chẳng phải ông phải trải qua 1000 lần thử mới làm nên bóng đèn đó sao! Jack Ma cho rằng “chúng ta sẽ làm được bởi chúng ta còn trẻ, và chúng ta sẽ không bao giờ, không bao giờ từ bỏ”, chính ông là một minh chứng mạnh mẽ cho sự đeo đuổi và không từ bỏ.

- Luôn có thái độ tích cực, lạc quan, tâm thế tự tin, chủ động trong mọi hoàn cảnh; nỗ lực phấn đấu hết mình vì chúng ta chỉ thất bại khi từ bỏ mọi cố gắng. nên nhớ cuộc sống luôn cho bạn cơ hội thứ hai, đó gọi là ngày mai”. Nếu cảm thấy bản thân đã chờ đợi quá lâu mà thành công chưa tới thì hãy nghĩ đến những hòn sỏi được lắng mịn là bởi dòng nước chảy ngàn năm, sở dĩ máy bay cất cánh được là nhờ ngược gió. Khi cuộc sống kéo bạn về phía sau, hãy chuẩn bị tinh thần tốt nhất vì lúc ấy nó sẽ đưa bạn bay về phía trước. vì thế, hãy cứ miệt mài làm việc, miệt mài cống hiến và rồi thành công sẽ đến.

c. Bàn luận thành công không tự nhiên mà có, nó phải trải qua nhiều thử thách, vấp ngã, thất bại. thành công sẽ gõ cửa nếu ta cố gắng không ngừng nghỉ. Không được bỏ cuộc mà phải kiên trì, nhẫn nại. sống phải giàu mơ ước, khát vọng, tin tưởng và chờ đợi. phê phán những kẻ hèn nhát, yếu đuối, sớm buông bỏ hoặc quá tham vọng muốn thành công bằng mọi giá.

3. Kết đoạn (hợp) Và cuối cùng phải luôn nhớ rằng “trước khi từ bỏ hãy nghĩ đến lí do khiến bạn bắt đầu”

Hãy viết một đoạn văn (200 chữ) bàn về HẬU QUẢ CỦA TÍNH ÍCH KỶ

Xã hội sẽ trở nên văn minh hơn nếu quanh ta vắng bóng sự ích kỷ, bởi chính tính ích kỷ để lại hậu quả rất khó lường. Ích kỷ là căn bệnh của cá nhân, mãi mê trong thế giới của riêng mình, sợ người khác hơn mình, đề cao lợi ích chính mình, bỏ qua lợi ích cộng đồng, kẻ ích kỷ luôn muốn chiếm đoạt của người khác làm của riêng, thấy người khác thành công thì ghen ghét, đố kỵ. Chính vì thế, thói ích kỷ để lại nhiều hậu quả to lớn. Đối với xã hội, sự ích kỷ làm con người sống không có tình yêu thương, không đồng cảm sẻ chia, dẫn đến cộng đồng mất đi sự đoàn kết. Bệnh ích kỷ từ đó sẽ ngăn cản bước tiến của xã hội. Đối với cá nhân, thói ích kỷ một khi trở thành lối sống thì sẽ dẫn đến sự tha hóa về nhân cách, khiến họ đánh mất đi chính mình, sẽ làm tâm hồn con người khô héo, úa tàn. Tâm hồn ấy vì chỉ biết nhận mà không biết cho nên sẽ thành “biến chết”. Nhân vật Chu Du thời Tam Quốc vì ích kỷ, đố kỵ tài năng của Gia Cát Lượng mà dùng mưu hèn kế bẩn để hãm hại đối phương. Nhưng Gia Cát Lượng lần nào cũng biết trước nên tránh được. Chu Du không những không hãm hại được Gia Cát Lượng, ngược lại đời đời mang tiếng xấu xa, bị cả muôn người phỉ nhổ. Vì thế kẻ ích kỷ luôn bị mọi người xa lánh, thiếu tôn trọng. Thực tế đã chứng minh không một ai thích làm bạn với một cá nhân ích kỷ cả. Nhận thức được điều đó, chúng ta cần loại bỏ tính ích kỷ ra khỏi cuộc sống bằng cách: hãy đọc sách nhiều hơn để tâm hồn được mềm mại, hãy chia sẻ yêu thương với mọi người xung quanh, lắng nghe tâm sự của họ để thấu hiểu nhiều hơn. Học cách sống cao thượng để tâm hồn thanh cao và học cách lắng nghe để tri âm đồng điệu với cuộc sống này.

PHẦN 3 NGHỊ LUẬN VĂN HỌC (5 điểm)

ĐẤT NƯỚC- NGUYỄN KHOA ĐIỂM

PHÂN TÍCH ĐOẠN THƠ

Đoạn số 1:

Cảm nhận về đoạn thơ sau trong đoạn trích “Đất nước”, trích trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
Tóc mẹ thì bới sau đầu
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó...*

(Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD VN, 2018, tr.118)

MỞ BÀI

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Tk mở bài chung
- Giới thiệu yêu cầu của đề bài:

THÂN BÀI

Khái quát

Hoàn cảnh và mục đích sáng tác

Trường ca “ Mặt đường khát vọng” viết năm 1971 tại chiến khu Trị- Thiên, giữa không khí sục sôi chống Mỹ của cả dân tộc và được in lần đầu năm 1974. Bản trường ca viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ đô thị vùng tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, giúp họ thấy được vai trò, sứ mệnh của thế hệ mình, từ đó xuống đường đấu tranh hoà nhập với cuộc kháng chiến chống Mỹ của toàn dân tộc.

1.2. Nội dung đoạn trích “Đất nước”

Đất Nước là nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca và nghệ thuật. Mỗi nhà thơ đều có những cảm nhận rất riêng về đất nước nên hình ảnh đất nước, Tổ quốc hiện lên văn học thật muôn màu muôn vẻ. Các nhà thơ cùng thời với Nguyễn Khoa Điềm thường thể hiện vẻ đẹp đất nước bằng những hình ảnh hoành tráng, kỳ vĩ, mỹ lệ hay gắn đất nước với một thời điểm lịch sử cụ thể. Điển hình như Nguyễn Đình Thi đã viết về đất nước bằng những hình ảnh kì vĩ, mỹ lệ:

Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều

(Việt Nam quê hương ta – Nguyễn Đình Thi)

Hoàng Cầm gắn hình ảnh đất nước với cuộc kháng chiến chống Pháp:

Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì

(Bên kia Sông Đuống – Hoàng Cầm)

Nguyễn Khoa Điềm khi viết về đất nước đã thể hiện những cảm nhận rất mới mẻ, sâu sắc. Nhà thơ đã chọn điểm nhìn gần gũi, quen thuộc; giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời trò chuyện thân mật; hình ảnh và ngôn từ giản dị mang đậm màu sắc dân gian và viết về đất nước trong một không gian và thời gian rộng. Từ chỗ cảm nhận đất nước ở ba chiều là chiều dài về lịch sử, chiều rộng về địa lí và chiều sâu về văn hóa phong tục nhà thơ đi đến khẳng định tư tưởng có tính then chốt: Tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”.

1.3. Bố cục Đoạn trích gồm hai phần:

- 42 câu đầu: Cảm nhận về đất nước trong tính toàn vẹn ở các phương diện nhiều mặt: địa lý, lịch sử, văn hoá, tâm hồn và lối sống. Từ đó nhà thơ khơi gợi ý thức trách nhiệm của mỗi người với đất nước.
- 46 dòng cuối: Tư tưởng Đất Nước của nhân dân.

2. Phân tích đoạn thơ

2.1. Giới thiệu đoạn thơ

Đoạn thơ gồm 9 câu thơ đầu này là những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về Đất nước và để trả lời cho các câu hỏi: Đất nước có từ bao giờ? Đất nước tồn tại ở đâu? và quá trình lớn lên của đất nước như thế nào?

2.2. Hai câu thơ đầu:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi.

Đất Nước có trong những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể.

Cội nguồn thiêng liêng của Đất nước (Đất nước có từ bao giờ)

Trong hai câu thơ đầu của đoạn thơ, tác giả đi tìm sự lý giải về sự sinh thành của đất nước để trả lời cho câu hỏi “Đất nước có từ bao giờ?”. Với cách mở đầu rất tự nhiên, nhà thơ khẳng định đất nước đã có từ trước khi ta sinh ra, khi ta lớn lên và biết nhận thức về thế giới quanh mình thì đất nước “đã có rồi”. Không thể trả lời chính xác rằng đất nước có từ bao giờ, Nguyễn Khoa Điềm đã mượn cách mở đầu của truyện cổ tích “ngày xưa, ngày xưa” để nói về cội nguồn của đất nước. Vận dụng ngôn từ một cách độc đáo, sáng tạo, nhà thơ không chỉ cho thấy đất nước chắc chắn đã có từ cái thuở xa lắc xa lơ nào đó, từ rất lâu đời mà còn gợi ra một không gian cổ tích, thần thoại, khiến cội nguồn đất nước trở nên thiêng liêng, kì diệu. Đất nước mình là đất nước của một nền văn học dân gian đặc sắc với biết bao câu chuyện cổ tích, thần thoại, truyền thuyết. Chính những câu chuyện cổ và những bài hát ru thuở ta còn nằm nôi là nguồn sữa ngọt lành chăm bẵm tâm hồn cho ta để lớn lên ta biết yêu đất nước con người. Về ý nghĩa của truyện cổ với đời sống tinh thần con người, nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ đã xúc động mà viết nên:

Tôi yêu truyện cổ nước tôi

Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng gần
(Truyện cổ nước mình)

Năm chữ “Đất Nước đã có rồi” và bốn chữ “ngày xưa, ngày xưa” vang lên đầy tự hào góp phần khẳng định sự trường tồn của đất nước qua mấy ngàn năm lịch sử:

Từ thuở mang gươm đi mở cõi
Nghìn năm thương nhớ đất Thăng Long
(Huỳnh Văn Nghệ)

2.3. Bảy câu thơ:

Đất nước bắt đầu với miếng trầu bà ăn
... Đất nước có từ ngày đó

Đất nước rất gần gũi thân thiết với mỗi con người (Đất nước tồn tại ở đâu?)

Khi nói về đất nước người ta cũng thường đặt ra các câu hỏi như “Đất nước là gì?” và “Đất nước tồn tại ở đâu?” và rồi thường tự cho rằng đất nước là cái gì đó cao siêu, trừu tượng khó định nghĩa và khó nắm bắt. Nhưng ở đoạn thơ này Nguyễn Khoa Điềm đã cho chúng ta thấy đất nước thiêng liêng, kì diệu nhưng không ở đâu xa, trái lại gần gũi, thân thiết đến bất ngờ.

* *Đất nước là những người thân yêu nhất:* Đất nước không ở đâu xa mà là những người thân yêu nhất như bà, cha và mẹ. Là hình ảnh người bà với “miếng trầu bà ăn”, là hình ảnh người mẹ với “câu chuyện mẹ kể” và “tóc mẹ thì bới sau đầu”, là cả cha và mẹ trong câu thơ “Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”. Không phải ngẫu nhiên khi viết về đất nước nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm lại ba lần nhắc đến hình ảnh người mẹ và nhiều nhà thơ khác cũng thường so sánh hình ảnh đất nước, tổ quốc với hình ảnh người mẹ. Hình ảnh tổ quốc trở thành mỹ từ thật đẹp trong thơ Chế Lan Viên khiến tác giả cho rằng mình đã đi nhưng cần vượt nữa để được gặp lại bà mẹ tổ quốc: “Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương”. Nhà thơ Tố Hữu lại liên tưởng đất nước giống như hình ảnh bà mẹ gánh gồng, tảo tần:

Việt Nam, Ôi tổ quốc thương yêu!
Trong khổ đau, người đẹp hơn nhiều,
Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng,
Nhẫn nại nuôi con, suốt đời im lặng”.
(Chào xuân 67 – Tố Hữu)

* *Đất nước là những gì bình thường, bình dị nhất xung quanh cuộc sống của mỗi con người:* Đất nước không cao siêu trừu tượng mà có thể đơn giản là câu chuyện mẹ kể, miếng trầu bà ăn, có trong những phong tục tập quán, trong cái kèo cái cột, thậm chí có trong những thứ nhỏ bé như hạt gạo...

– Đất nước gắn với những phong tục, tập quán từ bao đời của người Việt Nam như tục ăn trầu, tục bới tóc sau đầu:

+ Tục ăn trầu: Hình ảnh miếng trầu từ xưa đến nay rất quen thuộc với bao nhiêu thế hệ người Việt Nam. Người Việt Nam có câu “Miếng trầu là đầu câu chuyện”. Miếng trầu không chỉ xuất hiện trong các dịp ăn hỏi, cưới xin, hội hè, ma chay... mà còn được dùng mời khách đến nhà để tỏ lòng hiếu khách. Hình ảnh “miếng trầu” cũng là một hình tượng nghệ thuật giàu tính thẩm mỹ từng xuất hiện trong các câu chuyện cổ tích, trong ca dao, thơ ca...

Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi

Này của Xuân Hương đã quệt rồi

(Mời trầu – Hồ Xuân Hương)

Miếng trầu trở thành hiện thân của tình yêu thương, lòng thủy chung, son sắc trong tâm hồn dân tộc. Đất Nước có trong “miếng trầu bây giờ bà ăn” gợi nhắc phong tục ăn trầu của người Việt, gợi nhớ về câu chuyện cổ tích “Sự tích trầu cau” được xem là xưa nhất trong những câu chuyện cổ. Như vậy, trong miếng trầu dung dị ấy là mấy ngàn năm văn hóa, văn hiến của đất nước. Từ phong tục ăn trầu, người Việt còn có tục nhuộm răng đen:

Những cô hàng xén răng đen

Cười như mùa thu tỏa nắng

(Hoàng Cầm)

+ Tục bới tóc sau đầu: Câu thơ “Tóc mẹ thì bới sau đầu” không chỉ gợi tả một nét đẹp thuần phong mỹ tục lâu đời của người Việt mà còn làm hiện lên hình ảnh người mẹ với búi tóc sau gáy, làm nổi bật vẻ đẹp dịu dàng, đôn hậu của người phụ nữ Việt Nam.

– Đất nước còn có trong đạo lý ân nghĩa thủy chung đã trở thành truyền thống ngàn đời của dân tộc, có trong tình nghĩa sâu nặng của cha và mẹ: “Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”. Có lẽ câu thơ về tình nghĩa sâu nặng ấy được gợi ý từ một câu ca dao đẹp:

“Tay bưng chén muối đĩa gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau”

Thành ngữ “gừng cay muối mặn” được vận dụng một cách đặc sắc, nhẹ nhàng mà thấm đượm biết bao ân tình. Nó gợi lên được ân nghĩa thủy chung ở đời: gừng càng già càng cay, muối càng lâu năm càng mặn, con người sống với nhau lâu năm thì tình nghĩa càng son sắc, mặn nồng.

2.4. Hai câu thơ:

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

và: Hạt gạo phải một nắng hai sương xay giã, sàng

Đất nước lớn lên, trưởng thành

-Không dừng lại ở việc tìm về cội nguồn, sự tồn tại mà nhà thơ còn nỗ lực hình dung quá trình lớn lên, trưởng thành của đất nước. Phải chăng, khởi thủy và quá trình lớn lên của Đất nước là văn hóa được kết tinh từ tâm hồn và tính cách anh hùng của con người Việt Nam. Để nói hết được những điều đó, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã nhắc đến hình ảnh cây tre, vốn từ lâu đã trở nên quen thuộc trong tâm thức của mỗi người Việt Nam:

“Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”

(Cây tre Việt Nam – Thép Mới)

Hình ảnh cây tre đã đi vào truyền thuyết Thánh Gióng với người anh hùng nhổ tre đánh giặc. Hai chữ “lớn lên” gợi liên tưởng đến hình ảnh chú bé làng Ngà mới lên ba vurun vai thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt khi Đất Nước bị giặc Ân xâm lược. Cây tre vì thế đã trở thành biểu tượng cho sức mạnh tinh thần dân tộc quật cường đánh giặc cứu nước và giữ nước. Cây tre còn trở thành biểu tượng cho những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam thật thà chất phác, cần cù, chăm chỉ, đôn hậu thủy chung, yêu chuộng hoà bình... Bởi vì:

Nồi tre đâu chịu mọc cong

Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường

(*Tre Việt Nam – Nguyễn Duy*)

=>Câu thơ “Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc” như vậy đã thể hiện quá trình lớn lên của đất nước. Đất nước lớn dần lên trong sự nghiệp đấu tranh và bảo vệ bờ cõi, trong những cuộc trường chinh không ngừng nghỉ của cha ông trong suốt mấy ngàn năm lịch sử.

– Đất nước còn bắt đầu và lớn mạnh dần lên trong quá trình lao động lam lũ, vất vả để làm ra hạt lúa, hạt gạo, làm ra những giá trị vật chất cho đất nước thể hiện rõ qua câu thơ “Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng”. Thành ngữ “Một nắng, hai sương” đã cho thấy đất nước lớn lên trong nhọc nhằn, lam lũ. Các động từ “Xay – giã – giần – sàng” là những hoạt động trong quy trình sản xuất ra hạt gạo. Để làm ra hạt gạo ta ăn hằng ngày, người nông dân phải trải qua bao nắng sương vất vả gieo cấy, xay giã, giần sàng. Thấm vào trong hạt gạo bé nhỏ ấy là mồ hôi vị mặn nhọc nhằn của người nông dân. Bởi vậy, ăn hạt gạo dẻo thơm ta phải nhớ công ơn người đã làm ra nó:

Ai ơi bụng bát cơm đầy

Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

(*Ca dao*)

Cũng vì vậy mà nhà thơ Thanh Hải đã cảm nhận và khái quát quá trình đi lên đầy gian lao của đất nước:

Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

3.Đánh giá về nội dung và nghệ thuật

Để viết nên những vần thơ có sức lay động thực sự, có khả năng *vượt qua mọi định luật băng hoại của thời gian không thừa nhận cái chết* (Saturkhóp Sêdrin), nhà thơ phải vừa có tài năng và tâm huyết, vừa đắm mình vào cuộc đời, vừa không ngừng tìm tòi khám phá, *“khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”*. Một nhà thơ nước ngoài đã từng thấm thía giá trị cao quý của lao động thi ca:

“Phí tổn ngàn cân quặng chữ

Để thu về một chữ mà thôi

Những chữ ấy làm cho rung động

Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài”

Nhà thơ phải “trả giá cắt cổ” cho ngôn ngữ thơ ca nếu muốn những vần thơ ấy trở nên bất tử. Lao động nghệ thuật là hình thức lao động của trí óc và trái tim. Phải có những rung động mãnh liệt trước cuộc đời và những khám phá, sáng tạo độc đáo ta mới có thơ ca chân chính. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm bằng rung cảm mãnh liệt, sự tâm huyết và tài năng nghệ thuật đặc biệt đã sử dụng một cách đầy sáng tạo chất liệu văn hóa, văn học dân gian như: sử dụng cách mở đầu của chuyện cổ tích, sử dụng thành ngữ, nhắc đến các câu chuyện cổ tích, truyền thuyết, hình ảnh ca dao, phong tục tập quán để thể hiện quan niệm đất nước rất gần gũi thân thiết với mỗi con người. Những cấu trúc được lặp đi lặp lại như “Đất nước có từ...”, “Đất nước có trong...”, “Đất nước bắt đầu...”, “Đất nước lớn lên...” góp phần thể hiện quá trình sinh thành, tồn tại và lớn lên của đất nước, trải qua thời gian và trong tiềm thức của con người. Cùng với thể thơ tự do, phóng túng, câu thơ dài ngắn không đều; ngôn từ, hình ảnh giản dị, gần gũi; nhịp điệu linh hoạt; chất trữ tình kết hợp với chất chính luận, cảm xúc kết hợp với suy tưởng đã tạo nên những câu thơ hấp dẫn, cảm động... Những đặc sắc nghệ thuật này đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho thơ Nguyễn Khoa Điềm và thể hiện sâu sắc hơn những cảm nhận sâu sắc, mới mẻ, độc đáo của ông về đất nước. Đoạn trích “Đất nước” giúp chúng ta thấy yêu và gắn bó hơn với quê hương, đất nước mình. Từ đó ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm của mình với đất nước.

VỢ CHỒNG A PHỦ- TÔ HOÀI

PHÂN TÍCH ĐOẠN VĂN

Đoạn số 1:

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngòi, người ta thành lệ cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngòi năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ. (...) Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngời ngẫm thầm bài hát của người đang thổi.

“Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu”.

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêng đánh âm ỉ, người ốp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị.

(Trích **Vợ chồng A Phủ** – Tô Hoài, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 6,7)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị ở đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét chất thơ trong sáng tác của nhà văn Tô Hoài.

MỞ BÀI

– **Giới thiệu tác giả, tác phẩm:** Tk mở bài chung

– **Nêu vấn đề cần nghị luận:** Đoạn văn “Trên đầu núi... theo Mị” đã làm nổi bật vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, miêu tả cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị. Qua đó thể hiện rõ chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài.

THÂN BÀI

Khái quát:

– Tây Bắc hẳn là mảnh hồn thiêng của núi sông, là miền đất hứa có khả năng truyền cảm hứng cho biết bao nhà văn, nhà thơ để họ có thể viết nên những trang thơ, những trang văn lấp lánh. “Người mẹ của hồn thơ” ấy đã thả hồn vào bao vần thơ đẹp của Chế Lan Viên, đã lấp lánh rạng ngời “chất vàng mười đã qua thử lửa” trong văn Nguyễn Tuân và phả vào trang viết của Tô Hoài vẻ đẹp tuyệt vời của thiên nhiên và con người Tây Bắc khiến khi gấp trang sách lại ta mãi không thể nào quên được.

– Truyện “**Vợ chồng A Phủ**” chủ yếu kể về cuộc đời của nhân vật Mị, cũng là cuộc đời, số phận của người phụ nữ vùng cao Tây Bắc dưới chế độ phong kiến miền núi. Cuộc đời Mị chia làm những chặng đường, cho dù có lúc Tô Hoài phải để nhân vật của mình đi qua bóng tối khổ đau nhưng mỗi chặng là một bước quan trọng đưa nhân vật đến gần với ánh sáng của tự do, hạnh phúc.

– Trong những trang viết của Tô Hoài, *Mị vốn là một cô gái Mèo xinh đẹp, tài hoa, hiếu thảo*. Bởi vậy, Mị trở thành niềm ao ước của biết bao nhiêu chàng trai. Những đêm tình mùa xuân, trai bản đến đứng nhẵn cả chân vách buồng. Bao nhiêu chàng trai đã đi theo tiếng sáo của Mị từ núi này sang núi khác. Mị là đóa hoa của núi rừng và cuộc đời hứa hẹn nhiều hạnh phúc. Thế nhưng, chỉ vì nghèo, cha mẹ không trả nổi tiền cho nhà thống lí nên Mị đã bị bắt về làm dâu gạt nợ. Từ đây, Mị trở thành con dâu nhà giàu nhưng thực ra là rơi vào cảnh một cổ hai tròng, một tròng con dâu và một tròng con nợ. Bao nhiêu hi vọng về hạnh phúc, về tương lai của cô như vụt tắt. Khi mới bị bắt về làm dâu, có đến hàng tháng trời đêm nào Mị cũng khóc, có lần cô trốn về nhà định ăn lá ngón tự tử. Đây có thể xem là sự phản kháng của Mị trước thần quyền và cường quyền, không chấp nhận kiếp sống trâu ngựa, nhưng rồi vì cha mà cô không đành lòng chết. Từ đây, Mị chấp nhận cuộc sống “không bằng con trâu con ngựa”, “đàn bà trong cái nhà này chỉ biết vui đầu vào công việc”, chấp nhận bị đày đoạ nơi địa ngục trần gian, bị đánh, bị phạt, bị trói, ... Sự đày đoạ về thể xác dẫn đến sự tê liệt trong tinh thần nên Mị không còn nghĩ ngợi gì nữa, cứ lúi lũi như con rùa nói xỏ cửa. Trong đầu của Mị chỉ còn các việc lặp đi lặp lại nối nhau vẽ ra trước mắt. Chi tiết về ô cửa sổ bằng bàn tay trong căn buồng của Mị nằm đã thể hiện một ngục thất tinh thần, thiếu sinh khí, thiếu sự sống, cho thấy Mị đã tê liệt đến mức không còn ý niệm về thời gian và không gian quanh mình.

– Những tưởng Mị sẽ cam chịu, chấp nhận kiếp sống ấy cho đến chết nhưng bằng một trái tim đầy yêu thương nhà văn Tô Hoài đã khám phá phát hiện ra đằng sau sự cam chịu, chấp nhận ấy của Mị là sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Và chính sức sống tiềm ẩn bên trong một khi sống dậy thì rất mãnh liệt ấy đã giúp Mị từng bước tháo cũi sổ lồng, tìm được hạnh phúc cho cuộc đời mình. Đoạn văn miêu tả bức tranh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt và nhân vật Mị này có ý nghĩa khơi dậy và thể hiện sức sống tiềm tàng ở nhân vật Mị.

2. Vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc

Bức tranh thiên nhiên mùa xuân trên vùng núi cao Tây Bắc được Tô Hoài miêu tả bằng những rung cảm mãnh liệt trở nên rất thơ mộng và mang vẻ đẹp rất riêng đầy quyến rũ. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết vào lúc thời tiết khắc nghiệt, gió thổi cỏ gianh vàng ửng. Gió và rét rất dữ dội nhưng không ngăn nổi những sắc màu rực rỡ của thiên nhiên, không ngăn nổi cái rạo rực của lòng người. Cả bản làng sáng bừng trong sắc màu của ngô, lúa, của trái bí đỏ, của cỏ gianh vàng ửng cùng với những sắc màu rực rỡ của “những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mòm đá xòe như con bướm sặc sỡ.” Mùa xuân ở Hồng Ngài rộn rã âm thanh và màu sắc. Cái rét đến sớm và dữ dội khác thường và sự đột biến của thiên nhiên của mùa xuân năm ấy phải chăng để báo hiệu sự đột biến trong nhân vật Mị.

3. Cảnh sinh hoạt của nhân dân Tây Bắc

3.1. Cảnh sinh hoạt thể hiện phong tục ăn Tết của người Mèo

Đoạn trích giúp chúng ta ít nhiều có thể hình dung về phong tục đón Tết của người Mèo (H'Mông). Người Mèo không ăn Tết theo lịch mà đón Tết khi vụ mùa gặt hái đã xong nên Tết là sự cộng hưởng của vẻ đẹp đất trời và niềm vui thu hoạch mùa màng “Ở Hồng Ngài, người ta thành lệ cứ ăn Tết thì gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào”. Họ ăn Tết khi “Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho”. Phong tục ấy thể hiện rõ

nhịp sống của con người “hoà thuận” một cách hồn nhiên, tự nhiên cùng nhịp điệu của thiên nhiên, vũ trụ như thuở sơ khai.

Vào dịp Tết người ta thường tập trung ở một không gian thoáng, rộng, thường là mòm đất phẳng ở đầu làng để thổi khèn, thổi sáo, đánh quay, ném còn và nhảy. Vẻ đẹp của bức tranh sinh hoạt, phong tục miền núi trong ngày Tết của người Mèo, qua ngòi bút của Tô Hoài, thực sự có sức say lòng người. Trẻ con đầy vui sướng với những trò chơi ngày Tết “*Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà*”. Trai gái thì thổi khèn, thổi sáo tìm bạn yêu “*Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi*”... Sự am hiểu về phong tục tập quán của người miền núi còn được Tô Hoài thể hiện rõ khi nhà văn miêu tả cảnh ăn Tết trong gia đình thống lí Pá tra. “*Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ỹ, người ộp đồng vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa*”. Nhìn ở góc độ phong tục, bên cạnh vui chơi thì người miền núi còn có tục thờ cúng, ộp đồng và ăn cơm, uống rượu bên bếp lửa.

3.2. Tiếng sáo

Tết đến, xuân về thiên nhiên và con người đều tràn đầy sinh khí nên bên cạnh bức tranh thiên nhiên đầy sắc màu là những thanh âm rộn rã. Đó là của tiếng nói cười của trẻ con, tiếng chó sủa xa xa, tiếng khèn nhưng đặc biệt hơn cả là tiếng sáo gọi bạn. Nhà văn Tô Hoài rất dụng công trong mô tả tiếng sáo bởi tiếng sáo mùa xuân được xem như linh hồn của đời sống tinh thần nhân dân vùng Tây Bắc “*Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi*”. Tác giả miêu tả tiếng sáo rất cụ thể: khi còn xa Mị tiếng sáo « *lấp ló* » lúc ẩn lúc hiện ngoài đầu núi. Nhưng rồi nó đến gần hơn, vọng lại rõ hơn để có thể hiểu được lời của người đang thổi sáo Giữa khung cảnh thiên nhiên thơ mộng, quyến rũ và say mê, tiếng sáo làm nổi bật vẻ đẹp của con người Tây Bắc đa tình, nghệ sĩ:

*Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta chưa có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu*

Mùa xuân là mùa của hò hẹn, mùa của tình yêu, của hạnh phúc và tiếng sáo chính là tín hiệu báo hiệu rằng «*Những đêm tình mùa xuân đã tới*». Mùa xuân mới, đất trời, vạn vật bùng trỗi dậy của sức sống mới và con người cũng bùng dậy những khát vọng yêu đương.

4. Diễn biến tâm lí của Mị trong đêm tình mùa xuân:

4.1. Tác động của tiếng sáo:

Tiếng sáo gọi bạn *thiết tha, bồi hồi* khi Tết đến xuân về ấy như một cơn gió thổi tung đám tàn tro đang vây quanh cuộc đời Mị. Đặc biệt qua nghệ thuật trần thuật và miêu tả tiếng sáo đặc sắc, Tô Hoài đã mang đến cho người đọc một linh hồn đang cựa quậy hồi sinh đằng sau lớp xác giá băng. Tâm hồn Mị tha thiết bồi hồi khi nghe tiếng sáo từ đầu núi vọng lại. Mị đã ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi sáo. Sau bao nhiêu ngày câm lặng, có lẽ đây là lần đầu tiên người con dâu gạt nợ này đã khẽ hát, dù chỉ là nhẩm thầm. Mị nhẩm thầm (không phải là “hát thầm”), tức là khẽ khàng nhắc lại theo sự hồi tưởng, thậm chí không liên mạch, lúc nhớ lúc quên lời bài hát của người

đang thổi. Có lẽ trước đây Mị cũng đã từng thổi sáo hoặc hát bài này rồi. Giờ nghe tiếng sáo ngoài đầu núi vọng lại, lúc ẩn lúc hiện, trong Mị đã thức dậy điều gì đó quen thuộc, lâu nay bị lãng quên.

4.2. Tác động của rượu

Dịp Tết, mọi người uống rượu, đi chơi và Mị cũng tìm đến rượu “*Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Tội Mị say*”. Đó cũng không phải là cách uống của người thường xuân cũng không phải uống vì thèm rượu. Cách uống rượu của Mị là cách uống để giải sầu, uống rượu như nuốt căm, nuốt hận vào lòng. Sức chịu đựng của Mị là có hạn, đã đến lúc cần bùng cháy. Rượu chính là chất men xúc tác để nhân vật có đủ sức mạnh và can đảm làm những việc mà khi tỉnh táo Mị không thể bởi bao áp chế đè nặng. Vì thế mới có những diễn biến đầy phức tạp trong tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân.

4.3. Tâm lí của Mị khi Tết đến, xuân về

Có thể nói rượu và tiếng sáo chính là chất men say đánh thức phần đời đã mất, khơi dậy sức sống tiềm tàng vốn bị vùi chôn ở nơi sâu kín nhất trong tâm hồn của Mị. Giờ đây Mị không còn lặng câm nữa. Mị đã hồi sinh! Sự hồi sinh trong tâm hồn đã dẫn đến hàng chuỗi các hành động cả vô thức lẫn ý thức nhưng chứa đựng đầy sức sống của nhân vật. Khi ngập mình trong hơi men nồng nàn, tha thiết, với tiếng sáo đang đang «*văng vẳng gọi bạn đầu làng*», lòng Mị đang sống về ngày trước, hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái. Ngày ấy, Mị là người con gái xinh đẹp, tài hoa, yêu đời, chỉ cần một chiếc lá là “*Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo*”. Ngày ấy, Mị có “*biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị*”. Những hồi ức thanh xuân tươi đẹp ấy sống dậy cho thấy Mị đã bắt đầu thức tỉnh, Mị đã ý thức được về sự tồn tại, về cuộc đời của mình. Mị không còn sống một cách bất động, vô hồn ở nhà thống lí, sức sống mãnh liệt đang trỗi dậy trong tâm hồn Mị và khát vọng sống như ngọn lửa đã làm bùng sáng lại tâm hồn Mị. Nhà văn Tô Hoài ở đây thực sự đã chứng tỏ sự am hiểu về tâm lí, tính cách của người dân vùng cao Tây Bắc. Tâm lí của Mị không chỉ có lí trí của một người tỉnh táo mà còn phải có sự chệnh choáng trong hơi men nồng nàn của rượu, trong kí ức của tiếng sáo năm xưa. Cũng như tâm lí của nhân vật Chí Phèo đang chơi vui giữa hai bờ say, tỉnh của Nam Cao khi xách dao đến nhà Bá Kiến để đòi lương thiện. Tâm trạng lưỡng cực đầy tinh tế ấy của nhân vật «*không phải người viết mà là thân viết*».

5.Đánh giá

5.1. Nhận xét chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài:

– Chất thơ trong sáng tác của Tô Hoài hiện lên trước hết qua hình ảnh thiên nhiên vời vời với những núi non, nương rẫy, sương giăng... không thể lẫn được với một nơi nào trên đất nước ta. Những chi tiết miêu tả thiên nhiên đan xen, hoà quyện trong lời kể của câu chuyện. Đoạn trích cũng miêu tả rất tinh tế một phong tục rất đẹp, rất thơ của đồng bào vùng cao là lễ hội mùa xuân tràn ngập màu sắc và âm thanh, ấn tượng nhất về màu sắc là vẻ đẹp của váy hoa, của âm thanh là tiếng sáo.

– Nét đặc sắc nhất của chất thơ biểu hiện ở tâm hồn nhân vật Mị. Ẩn sâu trong tâm hồn Mị, một cô gái tưởng chừng như héo hắt, sống một cuộc đời lầm lũi “đến bao giờ chết thì thôi” ấy, có ai ngờ, vẫn le lói những đốm lửa của khát vọng tự do, của tình yêu cuộc sống. Tô Hoài còn để lại ấn tượng

sâu đậm trong lòng người đọc bởi khả năng diễn đạt tài tình những rung động sâu xa, tinh tế trong thế giới đa cung bậc và muôn vàn sắc thái của tình cảm của con người.

– Chất thơ thể hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật: Hàng loạt từ ngữ chỉ âm thanh, hình ảnh gợi hình, gợi cảm rất nên thơ. Các từ ngữ địa phương gợi những hình ảnh gần gũi đặc trưng cho miền núi Tây Bắc: nương ngô, nương lúa, vỡ nương, lều canh nương, cùng những sinh hoạt độc đáo: hái bí đỏ chơi quay, thổi sáo. Từ ngữ miêu tả chi tiết đẹp và giàu sức sống: cỏ gianh vàng ửng, những chiếc váy đem ra phơi trên mỏm đá ...Chất thơ trong văn xuôi của Tô Hoài còn được tạo nên bởi sự kết hợp nhuần nhuyễn cái khí sắc lãng mạn với bút pháp trữ tình cùng cái duyên mượt mà của một văn phong điêu luyện. Đoạn miêu tả giàu tính nhạc thơ, trữ tình gợi cảm. Âm điệu câu văn êm ả, ngắn và đậm phong vị Tây Bắc. Nhịp kể chậm, giọng kể trầm lắng chứa đầy cảm thông, xót xa. Giọng trần thuật nhiều khi đã hòa vào tiếng nói bên trong nhân vật.

5.2. Ý nghĩa của đoạn văn

Đoạn văn đã làm nổi bật vẻ đẹp của thiên nhiên, văn hóa phong tục và tâm hồn người Tây Bắc. Qua đó, tác giả đặc biệt cho thấy sức sống mãnh liệt, tiềm ẩn, tiềm tàng của nhân vật Mị. Chất thơ trong đoạn trích không những bộc lộ tài năng nghệ thuật của nhà văn Tô Hoài mà còn thể hiện tình yêu thiên nhiên và tấm lòng nhân đạo của ông với con người Tây Bắc, góp phần làm sáng tỏ cảm hứng lãng mạn cách mạng của văn xuôi Việt Nam 1945-1975.

Đoạn số 3:

“Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đông, người hát. Nhưng lòng Mị đang sống về ngày trước. Tại Mị vắng vắng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị .

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, Mị không biết. Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy. Nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy Mị thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...”

(Trích *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài, Ngữ văn 12, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, trang 7-8)

Anh/ chị hãy phân tích tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn văn bản trên. Từ đó nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Tô Hoài.

-

MỞ BÀI

– **Giới thiệu tác giả, tác phẩm:** Tk mở bài chung

– **Nêu vấn đề cần nghị luận:** Đoạn trích “Ngày Tết, Mị cũng uống rượu..... Em không yêu, quả pao rơi rồi.” là một phần diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân. Qua đó người đọc thấy được đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Tô Hoài.

THÂN BÀI

Khái quát:

– **“Vợ chồng A Phủ”** chủ yếu kể về cuộc đời của nhân vật Mị, cũng là cuộc đời, số phận của người phụ nữ vùng cao Tây Bắc dưới chế độ phong kiến miền núi. Cuộc đời Mị chia làm những chặng đường, cho dù có lúc Tô Hoài phải để nhân vật của mình đi qua bóng tối khổ đau nhưng mỗi chặng là một bước quan trọng đưa nhân vật đến gần với ánh sáng của tự do, hạnh phúc.

– Trong những trang viết của Tô Hoài, Mị vốn là một cô gái Mèo xinh đẹp, tài hoa, hiếu thảo. Bởi vậy, Mị trở thành niềm ao ước của biết bao nhiêu chàng trai. Những đêm tình mùa xuân, trai bản đến đứng nhẵn cả chân vách buồng. Bao nhiêu chàng trai đã đi theo tiếng sáo của Mị từ núi này sang núi khác. Mị là đóa hoa của núi rừng và cuộc đời hứa hẹn nhiều hạnh phúc. Thế nhưng, chỉ vì nghèo, cha mẹ không trả nổi tiền cho nhà thống lí nên Mị đã bị bắt về làm dâu gạt nợ. Từ đây, Mị trở thành con dâu nhà giàu nhưng thực ra là rơi vào cảnh một cô hai trống, một trống con dâu và một trống con nợ. Bao nhiêu hi vọng về hạnh phúc, về tương lai của cô như vụt tắt. Khi mới bị bắt về làm dâu, có đến hàng tháng trời đêm nào Mị cũng khóc, có lần cô trốn về nhà định ăn lá ngón tự tử. Đây có thể xem là sự phản kháng của Mị trước thần quyền và cường quyền, không chấp nhận kiếp sống trâu ngựa, nhưng rồi vì cha mà cô không đành lòng chết. Từ đây, Mị chấp nhận cuộc sống “không bằng con trâu con ngựa”, “đàn bà trong cái nhà này chỉ biết vui đầu vào công việc”, chấp nhận bị đày đọa nơi địa ngục trần gian, bị đánh, bị phạt, bị trói, ... Sự đày đọa về thể xác dẫn đến sự tê liệt trong tinh thần nên Mị không còn nghĩ ngợi gì nữa, cứ lúi lúi như con rùa nới xó cửa. Trong đầu của Mị chỉ còn các việc lặp đi lặp lại nối nhau về ra trước mắt. Chi tiết về ô cửa sổ bằng bàn tay trong căn buồng của Mị nằm đã thể hiện một ngục thất tinh thần, thiếu sinh khí, thiếu sự sống, cho thấy Mị đã tê liệt đến mức không còn ý niệm về thời gian và không gian quanh mình.

“Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”. (Ai ma tôp). Nhà văn Tô Hoài quả thực đã làm được điều đó khi thể hiện sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị. Những tưởng Mị sẽ cam chịu, chấp nhận kiếp sống ấy cho đến chết nhưng bằng một trái tim đầy yêu thương nhà văn Tô Hoài đã khám phá phát hiện ra đằng sau sự cam chịu, chấp nhận ấy của Mị là sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Và chính sức sống tiềm ẩn bên trong một khi sống dậy thì rất mãnh liệt ấy đã giúp Mị từng bước tháo cũi sổ lồng, tìm được hạnh phúc cho cuộc đời mình. Tiếng sáo và những đêm tình mùa xuân đã đánh thức khát vọng sống và giấc mộng lứa đôi, khơi dậy sức sống tiềm tàng ở Mị. Đoạn văn này nằm ngay

sau đoạn văn miêu tả thiên nhiên Tây Bắc, tiếng sáo gọi bạn lấp ló nơi đầu núi vào dịp tết đến xuân về và nhằm miêu tả tâm trạng và hành động của Mị.

2. Tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đoạn trích

2.1. Mị uống rượu

Tiếng sáo đã dẫn đến hành động “nổi loạn” của Mị. Dịp Tết, mọi người uống rượu, đi chơi và Mị cũng tìm đến rượu “*Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Tồi Mị say*”. Đó cũng không phải là cách uống của người thường xuân cũng không phải uống vì thèm rượu. Cách uống rượu của Mị là cách uống để giải sầu, uống rượu như nuốt căm, nuốt hận vào lòng. Sức chịu đựng của Mị là có hạn, đã đến lúc cần bùng cháy. Rượu chính là chất men xúc tác để nhân vật có đủ sức mạnh và can đảm làm những việc mà khi tỉnh táo Mị không thể bởi bao áp chế đè nặng. Vì thế mới có những diễn biến đầy phức tạp trong tâm lí và hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân. Có thể nói rượu và tiếng sáo chính là chất men say đánh thức phần đời đã mất, khơi dậy sức sống tiềm tàng vốn bị vùi chôn ở nơi sâu kín nhất trong tâm hồn của Mị. Mị lịm mặt ngồi đấy nhưng tâm hồn Mị đang hồi sinh. Sự hồi sinh trong tâm hồn đã dẫn đến hàng chuỗi các tâm trạng, hành động cả vô thức lẫn ý thức nhưng chứa đựng đầy sức sống của nhân vật.

2.2. Lòng Mị sống lại những ngày trước khi còn trẻ

Khi ngập mình trong hơi men nồng nàn, tha thiết, với tiếng sáo đang đang «*văng vẳng gọi bạn đầu làng*», lòng Mị đang sống về ngày trước, hồi tưởng lại mùa xuân tươi đẹp thời con gái. Ngày ấy, Mị là người con gái xinh đẹp, tài hoa, yêu đời, chỉ cần một chiếc lá là “*Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo*”. Ngày ấy, Mị có “*biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo Mị*”. Những hồi ức thanh xuân tươi đẹp ấy sống dậy cho thấy Mị đã bắt đầu thức tỉnh, Mị đã ý thức được về sự tồn tại, về cuộc đời của mình. Mị như ý thức được mình đang sống giữa hai thế giới: quá khứ và hiện tại; tỉnh và say; hạnh phúc và bi kịch. Sức sống mãnh liệt đang trỗi dậy trong tâm hồn Mị và khát vọng sống như ngọn lửa đã làm bùng sáng lại tâm hồn Mị. Nhà văn Tô Hoài ở đây thực sự đã chứng tỏ sự am hiểu về tâm lí, tính cách của người dân vùng cao Tây Bắc. Tâm lí của Mị không chỉ có lí trí của một người tỉnh táo mà còn phải có sự chênh choáng trong hơi men nồng nàn của rượu, trong kí ức của tiếng sáo năm xưa. Cũng như tâm lí của nhân vật Chí Phèo đang chơi vơi giữa hai bờ say, tỉnh của Nam Cao khi xách dao đến nhà Bá Kiến để đòi lương thiện. Tâm trạng lưỡng cực đầy tinh tế ấy của nhân vật «*không phải người viết mà là thần viết*».

2.3. Mị đi vào buồng và ý thức rằng mình vẫn còn trẻ

Sự vượt lên hoàn cảnh của Mị diễn ra không hề dễ dàng. Tô Hoài đã rất tinh tế khi đặt nhân vật Mị vào sự giao tranh giữa một bên là sức sống tiềm tàng, một bên là ý thức về thân phận. Ngòi bút của nhà văn như hóa thân vào nhân vật, để nâng niu, để trân trọng những khát vọng của con người, đồng thời lại rất tỉnh táo, khách quan khi phân tích, mổ xẻ những góc ngách sâu kín trong tâm hồn nhân vật. Rượu tan, người về hết, Mị ngồi trơ một mình giữa nhà rồi Mị bước vào buồng, ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trắng trắng. Căn buồng ấy chính là thực tại, là ngục thất giam cầm tuổi thanh xuân và hủy hoại hạnh phúc của Mị. Cái lỗ vuông mờ mờ trắng trắng kia vốn là những hình ảnh nhiều sức gợi, thể hiện Mị đã tê liệt đến mức quên cả ý niệm về không gian, thời gian. Nhưng giờ đây khát vọng sống và khát vọng hạnh phúc mãnh liệt khiến Mị có thể phá tan mọi gông cùm, áp chế. Đến lúc này “*Mị thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước*”. Quá khứ và hiện tại như đan xen khiến Mị trở lại là cô Mị trẻ

trung, yêu đời ngày nào để Mị nhận ra bây giờ Mị vẫn còn rất trẻ và Mị muốn được đi chơi “*Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi*”. Mị còn trẻ nghĩa là còn sức sống, còn khao khát, còn muốn yêu thương.

2.4. Tâm trạng phần uất khi nhận thức về hiện thực phũ phàng là cuộc hôn nhân không tình yêu

Khát vọng sống như ngọn lửa bùng cháy mãnh liệt bao nhiêu thì Mị lại phần uất bấy nhiêu. Phần uất và đau khổ cho thân phận và số phận trở trêu đầy bi kịch. Mị nhớ ra chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi. Mị nhận ra những người phụ nữ có chồng vẫn đi chơi ngày Tết: “*Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau!*” Mị đã có chồng nhưng người chồng ấy không tình yêu, không hạnh phúc. Còn gì đau khổ bằng lấy một người mà mình không có tình yêu. Còn gì đau khổ bằng phải sống với một kẻ vũ phu chỉ xem mình là món đồ chơi và bị khinh rẻ như con vật.

Sức sống tiềm tàng đã được đánh thức, Mị không thể cam chịu mãi kiếp nô lệ, kiếp làm dâu gạt nợ. Nhớ lại kiếp sống trâu ngựa chỉ thấy nước mắt muốn ứa ra. Mị muốn phản kháng lại hoàn cảnh, không chấp nhận cuộc sống trâu ngựa này nữa. Mị muốn chết để không phải đối diện với thực tại, không phải nhớ lại quá khứ cùng với những ước mơ khao khát của mình Muốn chết để giải thoát nỗi đau đày, muốn chết để thoát khỏi bi kịch, điều này tiêu cực nhưng dễ thông cảm và hơn hết đã cho thấy sự thay đổi ở Mị. **Mị muốn chết chính là biểu hiện của sức sống, của khát vọng sống đích thực là một con người.** Đây phải chăng là tình yêu, lòng nhân đạo của tác giả đối với nhân vật.

2.5. Tiếng sáo một lần nữa thôi thúc sự trở dậy của Mị

Nhưng Mị không có lá ngón trong tay mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ở ngoài đường. Phía sau ô cửa nhỏ kia là cả thiên đường hạnh phúc, là mùa xuân đang nồng nàn

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...”

Tiếng sáo của tình yêu tuổi trẻ lại thôi thúc Mị, diu hồn Mị theo những đám chơi, những cuộc chơi để từ đây khát vọng sống ở Mị vốn đã sống dậy giờ càng trở nên mãnh liệt. Vậy là hóa ra Mị vẫn luôn khao khát tình yêu, tự do và khao khát ấy vẫn âm ỉ ở bên trong, chưa bao giờ bị dập tắt.

3.Đánh giá

3.1. Nhận xét ngắn gọn về nghệ thuật miêu tả nhân vật của Tô Hoài:

Trong đoạn văn, nhà văn Tô Hoài xây dựng nhân vật Mị với nhiều điểm nghệ thuật đặc sắc như: lối kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo, đặc biệt hành động và diễn biến tâm trạng của Mị được miêu tả, lí giải cụ thể, hợp lí. Đi sâu vào tâm lí nhân vật, Tô Hoài đã xây dựng nhân vật theo kiểu con người phân lập, có một cô Mị ở hiện tại và một cô Mị ở quá khứ hòa chung vào nhau. Hai con người ấy đan xen, khi tách ra khi hòa vào một tạo nên một nhân vật Mị hết sức sinh động, mới lạ.

3.2. Nhận xét sự tinh tế khi diễn tả sự hồi sinh trong tâm hồn nhân vật Mị của nhà văn Tô Hoài.

Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật Mị được tác giả miêu tả tinh tế, phù hợp với tính cách của nhân vật. Nhà văn sử dụng khá nhiều những yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình... Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách. Trang văn trong đoạn trích đầy ắp chất thơ với ngôn ngữ sinh động, chọn lọc, câu văn giàu tính tạo hình, biểu cảm cùng với tấm lòng nhân hậu, một tài năng phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy, Tô Hoài đã khám phá, diễn tả chiều sâu tâm hồn cùng những biến thái thăng trầm, gấp khúc, tuần tự và đột ngột trong tâm trạng Mị.

3.3. Ý nghĩa của đoạn trích

Đoạn trích góp phần hoàn thiện chân dung nhân vật Mị. Dù nghèo khó, bị áp bức nhưng trong sâu thẳm tâm hồn vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Qua đó, nhà văn khám phá, trân trọng, ngợi ca những khao khát tình yêu, hạnh phúc của con người, thể hiện niềm tin vào sức sống của con người không bị hủy diệt. Đồng thời lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên cuộc sống con người. Sức sống tiềm tàng mãnh liệt của Mị trong đoạn trích cũng như tác phẩm đã để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc một ấn tượng khó phai mờ, đã góp phần nêu bật giá trị nhân đạo của tác phẩm và khẳng định tên tuổi của nhà văn Tô Hoài.

Đoạn số 3:

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ tròng tròng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hóm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẵn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo

là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy. Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng “Đi ngay...”, rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuyu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

– Ở đây thì chết mất”.

(“Vợ chồng A Phủ”- Tô Hoài, Ngữ văn 12 tập hai, NXB giáo dục, 2008, tr13, 14).

Phân tích diễn biến tâm trạng của Mị trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét những nét mới trong cảm hứng nhân đạo của văn học phê phán sau năm 1945.

MỞ BÀI

– **Giới thiệu tác giả, tác phẩm:** Tk mở bài chung

– **Nêu vấn đề cần nghị luận:** Đoạn trích “Ngày Tết, Mị cũng uống rượu..... Em không yêu, quả pao rơi rồi.” là một phần diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân. Qua đó người đọc thấy được đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Tô Hoài.

THÂN BÀI

Khái quát:

– **“Vợ chồng A Phủ”** chủ yếu kể về cuộc đời của đôi trai gái vùng cao là Mị và A Phủ, cũng là cuộc đời, số phận của người dân Tây Bắc dưới chế độ phong kiến miền núi. Cuộc đời Mị và A Phủ chia làm nhiều chặng đường, có lúc phải đi qua bóng tối khổ đau nhưng mỗi chặng là một bước quan trọng đưa hai nhân vật đến gần với ánh sáng của tự do, hạnh phúc.

– **Giới thiệu nhân vật Mị:** Trong những trang viết của Tô Hoài, Mị vốn là một cô gái Mèo xinh đẹp, tài hoa, hiếu thảo. Bởi vậy, Mị trở thành niềm ao ước của biết bao nhiêu chàng trai. Những đêm tình mùa xuân, trai bản đến đứng nhẵn cả chân vách buồng. Bao nhiêu chàng trai đã đi theo tiếng sáo của Mị từ núi này sang núi khác. Mị là đóa hoa của núi rừng và cuộc đời hứa hẹn nhiều

hạnh phúc. Thế nhưng, chỉ vì nghèo, cha mẹ không trả nổi tiền cho nhà thống lí nên Mị đã bị bắt về làm dâu gạt nợ. Từ đây, Mị trở thành con dâu nhà giàu nhưng thực ra là rơi vào cảnh một cổ hai tròng, một tròng con dâu và một tròng con nợ. Từ khi về làm dâu nhà thống lí, sự đầy dọa về thể xác dẫn đến sự tê liệt trong tinh thần nên Mị không còn nghĩ ngợi gì nữa, cứ lúi lúi như con rùa nới xó cửa. Trong đầu của Mị chỉ còn các việc lặp đi lặp lại nối nhau vẽ ra trước mắt. Chi tiết về ô cửa sổ bằng bàn tay trong căn buồng của Mị nằm đã thể hiện một ngục thất tinh thần, thiếu sinh khí, thiếu sự sống, cho thấy Mị đã tê liệt đến mức không còn ý niệm về thời gian và không gian quanh mình. Ai ma tốp từng khawnrh định **“Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trức ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”**. Nhà văn Tô Hoài quả thực đã làm được điều đó khi thể hiện sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị. Những tưởng Mị sẽ cam chịu, chấp nhận kiếp sống ấy cho đến chết nhưng bằng một trái tim đầy yêu thương nhà văn Tô Hoài đã khám phá phát hiện ra đằng sau sự cam chịu, chấp nhận ấy của Mị là sức sống tiềm tàng mãnh liệt. Và chính sức sống tiềm ẩn bên trong một khi sống dậy thì rất mãnh liệt ấy đã giúp Mị từng bước tháo cũi sổ lồng, tìm được hạnh phúc cho cuộc đời mình.

– **Giới thiệu nhân vật A Phủ:** A Phủ cũng như Mị, là nạn nhân của bọn phong kiến miền núi. Chỉ vì trận đánh nhau với A Sử con thống lí Pá Tra mà A Phủ bị làng phạt vạ, trở thành đầy tớ cho nhà thống lí. Nếu không có tiền trả nợ thì A Phủ và đời con đời cháu A Phủ sẽ mãi là đầy tớ của nhà thống lí. Từ khi trở thành đầy tớ trừ nợ, một mình A Phủ quanh năm rong ruổi ngoài gò rừng đốt nương, cày cuốc, chăn bò, chăn ngựa... Một lần sơ ý để hổ vồ mất bò, A Phủ bị thống lí Pá Tra bắt trói bỏ mấy ngày liền giữa mùa đông giá rét. Và nếu không có Mị cắt dây trói cứu thoát thì A Phủ có lẽ sẽ bị trói cho đến chết.

2. Diễn biến tâm trạng nhân vật Mị trong đêm cắt dây cho A Phủ rồi chạy trốn

2.1. Mị có thói quen thức sưởi lửa suốt đêm

Sau đêm tình mùa xuân, khát vọng sống của Mị bị dập tắt. Những tưởng Mị sẽ hoàn toàn trở lên câm lặng, sẽ mãi mãi lằm lũi và cứ thế mà chết đi, mà trở thành một con ma trong nhà thống lí. Cho đến những đêm mùa đông rét mướt ấy.

Đêm đông trên rẻo cao lạnh, dài và buồn nên Mị có thói quen trở dậy đốt lửa, hơ tay, hơ lưng. *Mỗi đêm, Mị dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần bởi nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị đến chết héo.* Từ chỉ thời gian mỗi đêm, không biết bao nhiêu lần: gợi thói quen lặp đi lặp lại như một bản năng, ăn vào vô thức. Đó là bản năng tìm tới hơi ấm, ánh sáng. Mị *chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa:* điệp từ “chỉ” diễn tả nét nghĩa tồn tại ít ỏi. Trong văn hóa nhân loại, ngọn lửa thường là vật biểu trưng cho ánh sáng, sự sống. Ở đây, ngọn lửa ngấm ản sự hiện hữu tuy tối thiểu nhưng dai dẳng của sức sống trong Mị. Có lần A Sử bắt gặp và *đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp.* Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước. Từ vẫn tiếp tục nhấn mạnh niềm khát sống bền bỉ. Hình tượng ngọn lửa là nguồn sáng- nguồn ấm-nguồn sống duy nhất đồng thời tiềm sâu sức sống dai dẳng, bền bỉ, bất chấp của Mị.

2.2. Vô cảm

Sau cuộc nổi loạn thất bại vào đêm tình mùa xuân, Mị đã bị cưỡng quyền, thần quyền nhà thống lí Pá Tra vùi dập, chà đạp, để bị rơi vào trạng thái tê liệt còn đáng sợ hơn cả trước đây. Điều đó thể hiện trong cách Mị nhìn A Phủ bị trói đứng. Mị trở lì tê liệt đến mức vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ

tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Ba chữ cũng thế thôi tách riêng thành một nhịp, lời văn nửa trực tiếp đã tái hiện chính xác thái độ lạnh lùng đến vô cảm của Mị. Lúc này, Mị không chỉ khước từ quyền sống của chính mình mà còn không quan tâm đến cả sự sống của đồng loại. Lí giải vấn đề này, ta thấy có ba nguyên nhân. Một là, cảnh người bị trói đến chết có lẽ không phải là hiếm hoi ở nhà thống lí. Hai là, cuộc sống bao năm làm con rùa lùi lũi trong xó cửa đã tạo cho Mị một sức ỳ, một quán tính cam chịu, nhẫn nhục quá lớn. Ba là, Mị đã chịu đựng quá nhiều đau khổ về thể xác lẫn tinh thần nên đã trở nên chai sạn vô cảm, khả năng cảm thông, chia sẻ với cảnh ngộ khốn cùng của người khác ở Mị gần như bị tê liệt. Mị chẳng khác gì “tảng đá”, chẳng khác gì đã bị vật hóa.

2.3. Đồng cảm

Tâm hồn Mị có lẽ sẽ mãi mãi hóa đá nếu như Mị không bắt gặp giọt nước mắt của A Phủ. Như mọi đêm, Mị dậy thổi lửa hơ tay, ngọn lửa bập bùng sáng lên, lé mắt trông sang, Mị bỗng bắt gặp dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má tuyệt vọng của A Phủ. Dòng nước mắt ấy đã gợi kí ức đau thương của chính Mị, đưa Mị từ cõi quên trở về với cõi nhớ. Mị nhớ lại đêm tình mùa xuân bị A Sử trói, nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng cổ mà không sao lau đi được. Có thể nói, chính “dòng nước mắt lấp lánh” ấy của A Phủ đã làm tan chảy lớp băng giá lạnh trong lòng Mị khiến Mị đồng cảm với người có cùng cảnh ngộ.

2.4. Thương người cùng cảnh ngộ:

Tô Hoài đã khéo léo dùng cách trần thuật nửa trực tiếp để cho người đọc thấy rõ cảm xúc của Mị: “Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết”. Dạng thức cảm thán đã cho thấy Mị không còn thờ ơ, vô cảm với đồng loại mà trong tâm hồn cô đã dấy lên một tình thương yêu mãnh liệt. Tâm lí này cho thấy phẩm chất nhân hậu tiềm ẩn trong tâm hồn người phụ nữ cùng khổ.

2.5. Nhận thức: Chúng nó thật độc ác

Cùng với lòng thương người, Mị đã nhận ra bản chất tàn ác, vô nhân đạo của cha con nhà thống lí. Chỉ vì bị hổ ăn mất một con bò mà một người thanh niên khoẻ mạnh, siêng năng, say sưa với cuộc đời đã phải lấy mạng mình thay cho con bò. Bọn thống trị coi sinh mạng của A Phủ chỉ bằng, thậm chí không bằng một con vật. Thân phận của Mị thì có khác gì A Phủ, cha con Pá Tra đã biến Mị từ một con người yêu đời, yêu cuộc sống, tài hoa chăm chỉ, hiếu thảo, tha thiết với tình yêu thành một con dâu gặt nợ, một kẻ nô lệ đúng nghĩa. Ngày trước, chúng còn tàn ác khi trói một người đàn bà đến chết trong nhà này. Từ số phận của A Phủ, của chính mình và người đàn bà ngày trước, Mị bỗng nhận thức ra rằng “Chúng nó thật độc ác”. Như vậy, từ chỗ cúi đầu chấp nhận tất cả những đau đớn đọa đày ở nhà thống lí đến chỗ nhận thức được sự tàn bạo của bọn phong kiến miền núi là một bước tiến trong nhận thức và tình cảm của Mị. Mị đã thể hiện thái độ phản kháng, không còn chấp nhận sự áp chế của thần quyền và cường quyền nữa. Thương mình, người, lòng Mị sục sôi niềm căm hờn phẫn uất với cha con thống lí Pá Tra nên lần đầu tiên, sau bao năm thảng cảm lạnh, đã biết kết án cha con thống lí. Mị như lột xác, trở lại làm cô gái dũng cảm, khát khao tự do, sục sôi tinh thần phản kháng.

2.6. Tình thương lớn hơn nỗi sợ hãi và cái chết nên dẫn đến hành động cắt dây trói cho A Phủ

Rồi Mị phảng phất nghĩ gần nghĩ xa: “*Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết*”.

Mị xót xa cho A Phủ như xót xa cho chính bản thân mình. Mị thương cho A Phủ không đáng phải chết. Mị tưởng tượng rằng có thể một lúc nào A Phủ trốn được rồi, cha con nhà thống lí sẽ bảo Mị cởi trói và Mị liền phải trói thay vào đấy, phải chết trên cái cọc ấy. Tuy nhiên lòng thương người trong Mị đã lớn hơn tất cả mọi nỗi sợ hãi, khiến Mị đi đến hành động cắt dây trói trói cho A Phủ.

2.7. Từ cứu người đến cứu mình

Cắt dây trói cho A Phủ xong, Mị bỗng hốt hoảng. Mị chỉ thì thào được một tiếng «Đi ngay...» rồi nghẹn lại. Mị đứng lặng trong bóng tối, rồi Mị chạy vụt theo, đuổi kịp A Phủ và nói với A Phủ sau bao nhiêu năm câm nín: “*A Phủ. Cho tôi đi! Ở đây thì chết mất*”. Câu nói ấy cho thấy việc chạy trốn cùng A Phủ không phải là hành động mang tính bản năng. Nỗi sợ hãi và hành động chạy theo A Phủ vô cùng đột ngột nhưng ngấm ra lại hết sức hợp lí, dường như không thể khác được. Là người, ai cũng sợ chết, nhất là khi cái chết cận kề. Vốn là một cô gái yêu đời và ham sống, Mị không thể chấp nhận cúi đầu chờ chết ở cái nơi địa ngục trần gian này. Ngoài ra, phải kể đến chất xúc tác làm cho cuộc nổi loạn được hoàn tất, đó là hành động quật sức vùng lên chạy của A Phủ. Hành động ấy như tia lửa bắt cháy nguồn sống mãnh liệt trong Mị, thôi thúc Mị hành động táo bạo: cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài. Vậy là, sau bao năm thảng bị vùi dập, sức sống tiềm tàng trong tâm hồn Mị đã bùng cháy mãnh liệt trong đêm đông «định mệnh». Sức sống ấy như nguồn sức mạnh vô song giúp Mị chiến thắng tất cả mọi thế lực bạo tàn, gồm cả cường quyền và thần quyền. Chính sức mạnh ấy đã giải cứu cho A Phủ và Mị khỏi thế giới địa ngục để đến với chân trời tự do, hạnh phúc

3.Đánh giá

3.1. Nghệ thuật

Tô Hoài đã tạo tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn; Nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật: kể và tả một cách tỉ mỉ, chi tiết tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn; diễn tả chân thực, hợp lí, sinh động, tài tình những xúc cảm, hành động của nhân vật... Diễn biến tâm lí nhân vật Mị trong đêm cắt dây trói cho A Phủ rồi chạy trốn phức tạp nhưng hợp logic, mang tính tất yếu, thể hiện được quá trình chuyển biến nhận thức của Mị: từ những nhận thức sâu sắc về cuộc đời, số phận mình, số phận A Phủ; về tội ác của cha con thống lí Pá Tra... Mị đi đến quyết định cởi trói cho A Phủ, giải thoát cho chính mình. Đoạn văn thể hiện rõ tính cách, phẩm chất của nhân vật và nội dung tư tưởng của tác phẩm, đồng thời cho thấy sự thay đổi số phận nhân vật một cách thuyết phục. Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu chất tạo hình và thấm đẫm chất thơ cũng là nét đặc sắc trong văn phong Tô Hoài.

3.2. Nhận xét tình cảm của nhà văn Tô Hoài đối với nhân dân Tây Bắc (nhân đạo)

Qua đoạn trích, Tô Hoài mở ra bức tranh hiện thực tăm tối, ngột ngạt của chế độ phong kiến miền núi, lên án giai cấp thống trị bất nhân được thực dân Pháp bảo trợ đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc của những người dân lương thiện miền núi Tây Bắc. Nhà văn đã thể hiện sự đồng cảm với nỗi khổ đau mà người dân miền núi trong chế độ cũ phải gánh chịu như đồng cảm với thân phận làm dâu gặt nợ của Mị; với thân phận đầy tớ và nỗi đau của A Phủ khi bị trói vào cây

cọc để thế mạng con bò. Nhà văn còn phát hiện ra sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do và tinh thần phản kháng của con người bị áp bức và không chỉ bên vực mà còn đưa họ đến chân trời tự do, rộng mở. Từ đây, Tô Hoài đã khẳng định được chân lí muôn đời: ở đâu có áp bức bất công thì ở đó có sự đấu tranh để chống lại nó dù đó là sự vùng lên một cách tự phát như Mị. Bạo lực không thể đè bẹp, hủy diệt khát vọng sống, khát vọng tự do, hạnh phúc. Chỉ có điều là để có thể giành được sự sống, tự do, hạnh phúc, con người có thể phải trải qua nhiều tủi nhục, đắng cay. Tấm lòng nhà văn dành cho đồng bào miền núi thật sâu nặng, nghĩa tình mà xét đến cùng đó chính là tấm lòng nhân đạo của người nghệ sĩ dành cho đất và người Tây Bắc.

3.3. Nét mới trong cảm hứng nhân đạo của tác phẩm và đoạn trích

Nếu bức chân dung của những người nông dân trong văn học trước cách mạng đều bị dồn vào bước đường cùng, không lối thoát thì nhà văn Tô Hoài lại phản chiếu vào nhân vật của mình ánh sáng của cách mạng và ý thức của thời đại để giải phóng số phận nhân vật, hướng con người đến ánh sáng của tự do. Việc Mị cởi trói cho A Phủ có thể coi như một chiếc bản lề khép mở hai thế giới, khép lại thế giới tăm tối của cuộc sống trâu ngựa, nô lệ và mở ra một cuộc sống tươi sáng. Mị và A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài đi theo tiếng gọi của cách mạng là một mốc son chói lọi thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc và mới mẻ của Tô Hoài nói riêng và của các nhà văn sau cách mạng nói chung.

VỢ NHẶT- KIM LÂN

PHÂN TÍCH ĐOẠN VĂN

Đoạn số 1:

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mươi niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

– Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

– Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

(Trích *Vợ nhặt*, Kim Lân, *Ngữ văn 12*, tập hai, Nxb GD, 2008, tr 30)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp người nông dân trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

MỞ BÀI

– **Giới thiệu tác giả, tác phẩm:** Tk mở bài chung

– **Nêu vấn đề cần nghị luận:** Đoạn trích: “Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào ...làm ăn có cơ khấm khá hơn” đã thể hiện rõ vẻ đẹp người nông dân, từ đó thể hiện cái nhìn mới mẻ về con người của nhà văn Kim Lân.

THÂN BÀI

Khái quát

– **Hoàn cảnh ra đời:** Tác phẩm có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư” được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công nhưng còn dang dở và bị mất bản thảo. Sau ngày hòa bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ và viết nên truyện ngắn *Vợ nhặt*. Tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn là một trong những thành công của tác phẩm để “Vợ nhặt” bám rễ vào đời, nở hoa trong trái tim, tâm hồn của người đọc biết bao thế hệ.

– **Giới thiệu tình huống truyện:** Thạch Lam từng nhận định “*Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức*”. Qua một tình huống truyện tưởng chừng đơn sơ nhưng Kim Lân đã mở ra biết bao điều đáng suy ngẫm về cuộc sống này.

+ Bối cảnh truyện là nạn đói khủng khiếp năm 1945 mà kết quả là hơn hai triệu người chết. Cái chết hiện hình tạo nên một không khí ảm đạm, thê lương được tác giả tái hiện trong tác phẩm. Nạn đói khiến khoảng cách giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh hơn bao giờ hết.

+ Trong bối cảnh đó, Tràng là một người nông dân nghèo, kiếm sống bằng nghề đẩy xe bò thuê cho bọn Nhật. Nói như Đỗ Kim Hồi thì anh cu Tràng là “*một nhân dạng mà hóa công gọt dẽo sơ sài*”. Anh lại có tính hơi gàn, có thói quen vừa đi vừa lảm nhảm những điều mình nghĩ và khi thích chí thì ngửa mặt lên trời cười hềnh hếch. Cách ăn nói thì cộc cằn, thô lỗ. Tràng lại là người dân xóm ngụ cư và có thể xếp vào diện ế vợ. Vậy mà trong nạn đói 1945, Tràng đã lấy được vợ một

cách dễ dàng, lấy vợ như nhặt được vợ vì chỉ sau hai lần gặp gỡ và vài câu đùa tầm phơ tầm phào mà người đàn bà theo về làm vợ. Đoạn trích thuộc phần cuối của truyện, diễn tả tâm trạng của ba nhân vật Tràng, người đàn bà và bà cụ Tứ vào buổi sáng sau đêm tân hôn. Thông qua ba nhân vật, người đọc có thể cảm nhận được vẻ đẹp của người nông dân được thể hiện tác phẩm.

2. Vẻ đẹp của ba nhân vật

2.1. Cảm nhận về nhân vật Tràng trong đoạn văn

Sáng hôm sau, Tràng dậy muộn khi mặt trời đã lên bằng con sào, ánh mặt trời chiếu vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Mặc dù vừa trải qua một đêm tân hôn, nhưng Tràng vẫn thấy như mình đang sống trong một giấc mơ hạnh phúc, ngọt ngào. “Hắn thấy trong người êm ái, lưng lơ như vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải”.

Trong cảm xúc đầy mới mẻ, Tràng nhận ra sự thay đổi từ quang cảnh đến không khí trong gia đình. **Quang cảnh nhà Tràng hôm nay hoàn toàn đổi khác:** Nhà cửa, sân vườn hôm nay được quét tước sạch sẽ, gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khưom mười niên ở một góc vườn đã được đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong dưới góc ỏi đã đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bày ngay lối đi đã được hót sạch. **Không khí trong gia đình Tràng cũng thay đổi đến bất ngờ.** Ngoài vườn, người mẹ đang cúi húi rẫy những bụi cỏ dại mọc nham nhở. Người vợ của Tràng đang quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không còn vẻ chao chát, chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp trên tỉnh. Thị thu dọn nhà cửa, phơi phóng quần áo, quét sân, gánh nước và chuẩn bị bữa ăn ngày mới... Phải chăng, vì có gia đình mà thị trở nên như vậy? Bà cụ Tứ cũng vui ra mặt. Bà trở nên tươi tỉnh, khác hẳn ngày thường. Cái mặt búng beo, u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Trong gia đình, mẹ con hòa thuận, êm ấm.

Trước sự thay đổi của gia đình, **Tràng trở nên cảm động.** Bỗng nhiên, hắn thấy **yêu thương, gắn bó với ngôi nhà** của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình, hắn sẽ cùng vợ sinh con, đẻ cái ở đây. Cái nhà như một tổ ấm che mưa, che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn vào trong lòng. Bây giờ, hắn mới thấy hắn nên người. **Hắn thấy hắn có bốn phận phải lo cho vợ con sau này.** Vì thế, hắn xăm xăm chạy ra ngoài sân, hắn muốn làm một việc gì góp phần tu sửa lại căn nhà.

Những cảm xúc chân thực, xúc động của Tràng đã cho thấy sự kì diệu của hạnh phúc. Nó biến một người có tâm hồn ngờ nghệch, vô tư, hồn nhiên như trẻ thơ thành một người đàn ông chín chắn, trưởng thành. Biến con người thô lỗ, cộc cằn trở thành người chồng thực sự. Biến cuộc đời một con người sống trong cô đơn, đau khổ trở thành một cuộc đời ý nghĩa, biết sống có trách nhiệm, yêu thương, chăm sóc những người xung quanh.

2.2. Cảm nhận về người vợ nhặt trong đoạn văn

Chỉ qua một đêm sau khi đã thành vợ của Tràng, thành nàng dâu mới của bà cụ Tứ, ta thấy nhân vật người đàn bà có những biểu hiện, những tình cảm rất tốt đẹp. Bên bờ vực của cái chết, người đàn bà không chỉ **khao khát được sống, có lẽ khao khát cả hạnh phúc.** Hắn thị cũng muốn được sống trong mái ấm hạnh phúc của gia đình, một mái ấm tình thương, có chồng có con như những người đàn bà may mắn khác. Và từ nay, ngôi nhà đơn sơ, nghèo nàn của mẹ con Tràng đã thực sự trở thành tổ ấm che mưa, che nắng cho cuộc đời thị. **Ý thức được bốn phận làm vợ, làm dâu**

phải biết vun vén, chắt chiu hạnh phúc gia đình nên thị dậy sớm cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, xây đắp tổ hạnh phúc. Mẹ chồng và nàng dâu cùng làm việc, nói chuyện với nhau như thân quen tự bao giờ. Tiếng chổi quét sân của thị kêu sần sật trên mặt đất dường như là biểu hiện của nỗ lực, cố gắng hết lòng của thị muốn xây dựng gia đình mới. **Hạnh phúc đã làm cho người đàn bà thay đổi từ chỗ cong cớn, danh đá, liều lĩnh bỗng trở thành người đàn bà đúng nghĩa**, biết lo cho gia đình. Qua nhân vật Tràng và người đàn bà, Kim Lân dường như muốn khẳng định một niềm tin đầy giá trị nhân văn: mái ấm gia đình có đủ sức mạnh để làm thay đổi, để cảm hóa một con người.

2.3. Cảm nhận về nhân vật bà cụ Tứ

Buổi sáng hôm nay, tâm trạng bà cụ Tứ cũng hoàn toàn thay đổi. Nếu chiều hôm trước trong lòng người mẹ nghèo ngổn ngang bao nhiêu tâm trạng thì sáng nay trông bà nhẹ nhõm, tươi tỉnh hẳn lên. Dường như những lo lắng, buồn tủi, xót thương, mặc cảm về thân phận cũng tan theo bóng đêm khi một ngày mới bắt đầu. Niềm hạnh phúc của con đã khiến người mẹ nhàn từ, bao dung dường như cũng hạnh phúc theo. Bà cụ cũng dậy sớm cùng con dâu thu dọn, quét tước nhà cửa. Trong lúc, nàng dâu mới quét lại cái sân thì bà cúi húi rẫy những bụi cỏ dại mọc nham nhở. Không còn dáng vẻ của một bà lão gần đất xa trời, khốn khổ, mà thay vào đó bà cụ Tứ trở nên tươi tỉnh, nhẹ nhõm khác ngày thường, khuôn mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Sự thay đổi ở diện mạo, thần thái của bà cụ Tứ cùng với những việc làm nhỏ bé, giản dị của bà đã thể hiện rất rõ sự chăm lo cho hạnh phúc của đứa con. Tất cả đều giản dị song lại vô cùng cảm động vì bà cụ đã hành động bằng tất cả tấm lòng mình để góp phần xây dựng một tổ ấm hạnh phúc, tạo dựng hạnh phúc cho các con.

3.Đánh giá

3.1. Về nghệ thuật

Nhà văn đã xây dựng được tình huống truyện độc đáo. Cách dựng truyện của Kim Lân rất tự nhiên, hấp dẫn, có duyên, đơn giản nhưng chặt chẽ. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật một cách tinh tế, sâu sắc. Ngôn ngữ đậm chất nông dân và có sự gia công sáng tạo của nhà văn.

3.2. Nhận xét về vẻ đẹp của người nông dân và cái nhìn mới mẻ về con người

– **Nhận xét về vẻ đẹp của người nông dân:** Tràng lấy vợ là một câu chuyện dở khóc dở cười nhưng sau sự kiện bi hài ấy, con người và thế giới của riêng Tràng thay đổi: vợ hiền thảo hơn, Tràng đã trưởng thành nên người. Bà mẹ lần đầu tiên trên trán bớt đi đám mây u ám. Trong buổi sáng hôm ấy, tâm trạng của cả ba nhân vật đều có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Họ đều có ý thức xây đắp gia đình và đầy hi vọng vào tương lai. Họ cùng tham gia vào việc thu dọn, quét tước nhà cửa với cùng một ý nghĩ lạc quan *“Hình như, ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp nhà cửa cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn”*. Vậy là trong khung cảnh đói khát chết chóc thê thảm của đất nước năm 1945, những người nông dân khốn khổ như Tràng, người đàn bà và bà cụ Tứ đã tự bộc lộ ra vẻ đẹp của mình. **Họ khát khao được sống, được hạnh phúc** và trong thời khắc quyết định của số phận, **họ biết vượt lên hoàn cảnh, tìm đến hạnh phúc trong niềm vui nương tựa, cưu mang, đùm bọc lẫn nhau**. Họ đã hiểu ra rằng, chỉ có tấm tình chân thực mới giúp họ có sức mạnh vượt qua sự thật nghiệt ngã của cuộc đời và **không có**

gì ngăn nổi niềm tin, niềm hi vọng của họ vào tương lai. Tình yêu thương và niềm tin mãnh liệt ấy đã khiến cho ba con người nhỏ bé và mái ấm gia đình của họ không bị vùi xuống vực thẳm của sự chết chóc. Có thể thấy ở đây nhà văn Kim Lân không chỉ phát hiện ra vẻ đẹp của người nông dân mà còn đặt trọn vẹn niềm tin vào nhân phẩm và tương lai của những người lao động cùng khổ. Đó chính là giá trị nhân văn đầy cảm động của truyện ngắn này.

– ***Cái nhìn mới mẻ của nhà văn Kim Lân:*** Nhà văn Kim Lân đã nhìn người nông dân bằng con mắt tình thương, đầy xót xa và đồng cảm như ông từng nói: ***“Khi viết về cái đói, thường mọi người có ý nghĩ là khi đói con người ta khổ cực và đói người ta không nghĩ đến con đường chết mà chỉ nghĩ đến con đường sống. Dù trong tình huống bị thảm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng ở tương lai”***. Nhà văn luôn lạc quan tin tưởng vào con người, luôn nhìn thấy những điều tốt đẹp của con người ngay cả trong tình cảnh bi đát nhất. Ngoài ra, đoạn trích cũng như tác phẩm cho thấy tài năng quan sát, miêu tả, dựng cảnh, đi sâu khai thác diễn biến tâm trạng nhân vật rất hợp lí, chân thực, đặc biệt tạo tình huống truyện độc đáo, bất ngờ, éo le và cảm động. góp phần làm bùng sáng giá trị nhân văn của tác phẩm.